

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5300 208 618, cấp lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2002, thay đổi lần thứ 07 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2011)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Đăng ký niêm yết số: .../ĐKNY do..... cấp ngày ... tháng ... năm)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Địa chỉ: Số nhà 045, đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

2. Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Trụ sở : Tầng 3, 59 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Chi nhánh : Số 9, Nguyễn Công Trứ, Q1, Tp. Hồ Chí Minh

3. Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Phạm Bá Huy

Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty

Điện thoại: 020.3830036

Fax: 020.3830036

pdfMachine - is a pdf writer that produces quality PDF files with ease!

Get yours now!

"Thank you very much! I can use Acrobat Distiller or the Acrobat PDFWriter but I consider your product a lot easier to use and much preferable to Adobe's" A.Sarras - USA



CÔNG TY CP KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 5300 208 618, cấp lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2002, thay đổi lần thứ 07 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2011)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Tổng số lượng niêm yết : 8.568.000 cổ phần

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá) : 85.680.000.000 đồng

❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY KIỂM TOÁN & TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Địa chỉ : P1504, Tòa nhà 17T7, Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội

ĐT: (84)-(04) 2811488 Fax : (84)-(04) 2811499

❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Trụ sở: Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3 944 5888 Fax: (84-4) 3 944 5889

Chi nhánh : Số 9, Nguyễn Công Trứ, Q1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3930 2320 Fax: (08) 3930 2325

Website: <http://www.vise.com.vn>

pdfMachine - is a pdf writer that produces quality PDF files with ease!

Get yours now!

"Thank you very much! I can use Acrobat Distiller or the Acrobat PDFWriter but I consider your product a lot easier to use and much preferable to Adobe's" A.Sarras - USA

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp	5
3. Các rủi ro khác.....	5
4. Các rủi ro về biến động giá cổ phiếu	7
5. Các rủi ro khác.....	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1. Tổ chức niêm yết: CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai.....	7
2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam	7
III. CÁC TỪ VIẾT TẮT	7
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	8
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	10
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	11
4. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tính đến 20/06/2011.....	14
5. Danh sách những Công ty mẹ, công ty con của LCM, những Công ty mà LCM đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với LCM	15
6. Hoạt động kinh doanh	16
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất	29
8. Vị thế của Công ty đối với các Doanh nghiệp cùng ngành	31
9. Chính sách đối với người lao động	33
10. Chính sách cổ tức	34
11. Tình hình hoạt động tài chính	34
12. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán	38
13. Tài sản	46
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty từ năm 2011 đến năm 2013 và căn cứ để đặt mục tiêu kế hoạch	47
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	49
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng	49
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	49
1. Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông.....	49
2. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu	49
3. Tổng số chứng khoán niêm yết : 8.568.000 cổ phiếu.....	49
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng.....	49
5. Phương pháp tính giá	50
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	53
7. Các loại thuế có liên quan.....	53
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	53
1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	53
2. TỔ CHỨC TƯ VẤN	53
VII. PHỤ LỤC	54
CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI.....	55

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, năm 2009, GDP cả nước tăng xấp xỉ 5,32% so với cùng kỳ năm trước trong đó giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 696,6 nghìn tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm 2008, đây là mức tăng trưởng khá cao trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu. Bước sang năm 2010, kinh tế thế giới chưa thực sự thoát khỏi khủng hoảng và còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất lợi tác động đến kinh tế trong nước, tuy nhiên, thành tựu đạt được là khả quan với GDP năm 2010 tăng 6,78% so với năm 2009, CPI cả năm bình quân tăng 9,19% so với năm trước và đạt được mức dưới hai con số như đã đề ra. Do những tác động của giá cả hàng hóa thế giới cũng như những tác nhân nội tại của nền kinh tế, chỉ số giá tiêu dùng trong 3 tháng đầu năm 2011 bình quân tăng 12,79% so với cùng kỳ năm 2010, đây là mức tăng cao đột biến so với mọi năm. Hiện tại chính phủ đang chỉ đạo các bộ ngành thực hiện gói các biện pháp nhằm điều chỉnh đầu tư công, thắt chặt tiền tệ ... nhằm ổn định nền kinh tế và kìm chế lạm phát.

Là một ngành sản xuất cung cấp chủ yếu cho các ngành công nghiệp khác, ngành khai khoáng chịu ảnh hưởng nhiều từ những biến động tăng hoặc giảm của tốc độ phát triển kinh tế trên nhiều quy mô khác nhau. Đối với Công ty Khoáng sản Lào Cai, các sản phẩm đều được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu nên bất kỳ sự biến động nào của tình hình kinh tế trong nước cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, đủ điều kiện là công ty đại chúng nên hoạt động của Công ty tuân theo các văn bản pháp luật, quy định về công ty cổ phần, hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành... Mặc dù, trong nhiều năm qua, hệ thống luật pháp Việt Nam liên tục được hoàn thiện, song tính ổn định chưa cao, vẫn còn nhiều các quy định pháp luật đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của Pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước... từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

3. Các rủi ro đặc thù

– Rủi ro chính sách của Nhà nước đối với hoạt động khai khoáng:

Chính sách Nhà nước có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của ngành khai khoáng, theo Luật khoáng sản mới được thông qua tháng 12/2010 và bắt đầu có hiệu lực từ 01/07/2011 có nhiều điểm mới ảnh hưởng đến hoạt động của các doanh nghiệp khoáng sản. Theo Luật khoáng sản, cơ chế quản lý sẽ thắt chặt hơn đối với các doanh nghiệp khai thác khoáng sản, đặc biệt là các điều kiện được cấp mỏ mới, trách nhiệm của doanh nghiệp khai thác mỏ đối với địa phương nơi khai thác trong việc đầu tư, xây dựng hạ tầng, các công trình phúc lợi, bảo vệ môi trường, ... Những quy định này nhằm nâng cao trách nhiệm của các doanh nghiệp hoạt động trong ngành

khai khoáng đối với Nhà nước và xã hội, sẽ làm gia tăng chi phí đầu tư cho doanh nghiệp, tuy nhiên cũng là điều kiện để chọn lọc ra những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, chuyên nghiệp.

– *Rủi ro khai thác:*

Do đặc điểm của ngành nghề, hoạt động sản xuất kinh doanh chịu ảnh hưởng rất lớn vào các điều kiện tự nhiên nằm ngoài khả năng kiểm soát của Công ty. Mặc dù Công ty đã tiến hành nghiên cứu khảo sát đánh giá về địa chất, chất lượng khoáng nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình khai thác, tuy nhiên cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, chất lượng khoáng sản... Cũng như những tiềm ẩn về trữ lượng, hàm lượng khai thác. Mặt khác, vì nguồn tài nguyên thiên nhiên là có hạn, nên Công ty phải khai thác ngày càng xuống sâu và xa hơn, làm cung độ vận chuyển và hệ số bóc tách tăng.

Là một doanh nghiệp có kinh nghiệm trong ngành, Công ty đã lường trước được tất cả những khó khăn này. Vì vậy, song song với việc khai thác tối đa các mỏ hiện có, Công ty cũng không ngừng hiện đại dây chuyền khai thác và chế biến cũng như tìm kiếm các nguồn mỏ mới.

– *Rủi ro do chi phí sản xuất tăng:*

Chi phí phục vụ hoạt động khai thác và chế biến trong thời gian qua cũng tăng đáng kể như: giá xăng dầu, giá điện, thép...tăng đã đẩy chi phí sản xuất tăng theo. Ngoài ra vấn đề bảo vệ môi trường và xử lý chất thải sau khai thác là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí, phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng cao cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

– *Rủi ro về giấy phép khai thác mỏ:*

Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý và khai thác khoáng sản của Nhà nước trong từng thời kỳ. Ngoài ra, nếu hoạt động khai thác mỏ của Công ty không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật bắt buộc cũng có thể sẽ không được gia hạn giấy phép khai thác hoặc bị rút giấy phép trước thời hạn. Rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ từ phía Công ty về mặt thực tế là không nhiều do năng lực và chất lượng kỹ thuật khai thác của Công ty hoàn toàn đáp ứng được các yêu cầu chuyên môn. Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro cần được tính đến trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

– *Rủi ro về an toàn lao động:*

Do đặc thù của Công ty là khai thác mỏ nên vấn đề an toàn lao động luôn được quan tâm. Công ty đã thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động như: mua bảo hiểm, trang bị các công cụ dụng cụ đảm bảo an toàn trong quá trình lao động, hướng dẫn người lao động thực hiện các biện pháp an toàn... nên rủi ro này được giảm thiểu tối đa.

– *Rủi ro từ phía Công ty:*

Do tình trạng tranh chấp và khai thác tự do tài nguyên khoáng sản vẫn tiếp diễn trên các địa bàn mà Công ty có các mỏ thuộc chủ quyền khai thác hoặc các mỏ đang được phép thăm dò, khảo sát đã đặt ra những khó khăn và rủi ro cho Công ty trong vấn đề quản lý nguồn tài nguyên thuộc

chủ quyền. Ngoài ra, việc khai thác tận thu tràn lan nguồn tài nguyên của nhiều cá nhân, tổ chức trên địa bàn gây ảnh hưởng lớn đến công tác quy hoạch khai thác và sản xuất của Công ty.

4. Các rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường. Mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố, cả yếu tố kinh tế lẫn yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Thực hiện việc niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh đồng nghĩa với việc giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động của nhiều yếu tố như: sự thay đổi của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sự hiểu biết của nhà đầu tư đối với Công ty và thị trường chứng khoán, tâm lý nhà đầu tư, tình hình kinh tế, điều kiện thị trường....

5. Các rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên Công ty còn có thể gặp phải những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty như lũ lụt, hạn hán, cháy, nổ,... Công ty đã luôn áp dụng những tiêu chuẩn kỹ thuật sản xuất nghiêm ngặt, nên những rủi ro này rất ít khi xảy ra và gần như không có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết: CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Ông: **BÙI ĐỨC THANH** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Bà: **NGUYỄN THỊ HOA** Chức vụ: Kế Toán Trưởng

Bà: **NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG** Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty Cổ phần Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam

Bà: **LA THỊ HỒNG HOA** Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Doanh nghiệp

(Theo giấy ủy quyền số 03/2011/UQ-TGD ngày 15/06/2011)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (LCM). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do LCM cung cấp.

III. CÁC TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai
- LCM : Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BCTC : Báo cáo tài chính

- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CTCP : Công ty Cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về công ty

- Tên giao dịch tiếng việt : Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai
- Tên giao dịch tiếng Anh : Lao Cai Mineral exploitation & processing joint stock company
- Tên Công ty viết tắt : LAOCAI JSC
- Logo công ty : 
- Vốn điều lệ : 85.680.000.000 đồng (Tám mươi lăm tỷ, sáu trăm tám mươi triệu đồng).
- Trụ sở chính : Số nhà 045, đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại : 0203.830.036 Fax : 0203.830.036
- Website : www.khoangsanlaocai.com.vn
- Ngành nghề kinh doanh :
 - ✓ Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu;
 - ✓ Tư vấn các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản;
 - ✓ Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng; Mua bán máy móc thiết bị, phụ tùng thay thế;
 - ✓ Mua bán xuất nhập khẩu dầu thô, than và các sản phẩm của chúng;
 - ✓ Mua bán hóa chất, vật tư phân bón phục vụ cho công nghiệp, nông nghiệp.
- Các sản phẩm, dịch vụ của Công ty:
 - ✓ Khai thác và chế biến các sản phẩm quặng chì kẽm

Một số hình ảnh về công trường thi công chế biến quặng chì kẽm tại mỏ chì kẽm Bản Mế, huyện Si Ma Cai:



✓ Khai thác và chế biến vàng

Một số hình ảnh khai thác vàng tại mỏ vàng Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu



1.2 Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai tiền thân là Công ty TNHH Gia Long được thành lập ngày 18 tháng 09 năm 2002 với số đăng ký kinh doanh là 12 02 000 192, Công ty TNHH Gia Long sau 06 lần thay đổi đăng ký doanh (lần cuối vào ngày 09 tháng 12 năm 2010), đã đổi tên thành Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai vào ngày 04 tháng 01 năm 2011. Trong quá trình hoạt động và phát triển của mình, Công ty luôn hoàn thành xuất sắc các nghĩa vụ của mình đối với nhà nước.

Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký Công ty Đại chúng lên UBCK Nhà nước và được vào danh sách công ty Đại chúng vào ngày 09/03/2011.

1.3 Quá trình tăng vốn

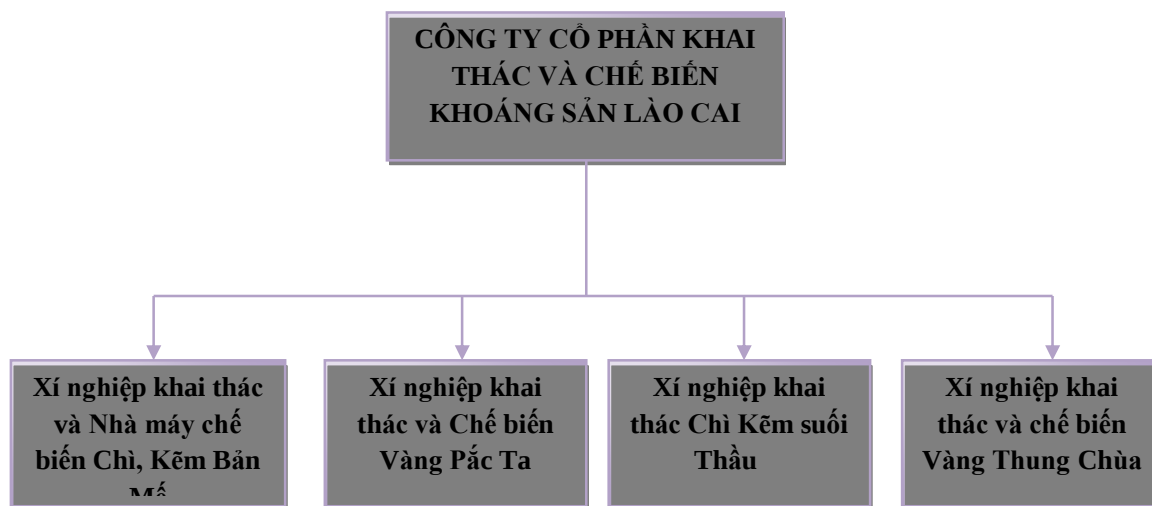
Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ (đồng)
Tháng 9/2002	2.000.000.000
Tháng 2/2010	80.000.000.000*
Tháng 12/2010	85.680.000.000**

* Công ty nhận khoản vốn góp 78.000.000.000 đồng từ ông Bùi Đức Thanh bằng tiền và tài sản (khoản vốn góp bằng chi phí thực hiện các mỏ là 44.906.251.000 đồng đã được định giá theo Chứng thư thẩm định giá số Vc 10/02/01/CCTT-HN do Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam cung cấp, khoản tiền mặt là 32.935.450.000 đồng và khoản tiền còn dư của ông Bùi Đức Thanh tại khoản mục Vốn đầu tư của Chủ sở hữu là 158.299.000 đồng).

** Công ty nhận khoản vốn góp 5.680.000.000 đồng từ ông Bùi Đức Thanh bằng tiền và tài sản bao gồm

- Giá trị công trình xây dựng 690.000.000 đồng và máy móc thiết bị qua sử dụng trị giá 4.456.000.000 đồng. Công trình xây dựng trên đất và máy móc thiết bị góp vốn này đã được Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam định giá theo chứng thư số Vc 10/12/75/CCTT-HN ngày 24/12/2010 và đã có biên bản bàn giao với Công ty.
- Khoản tiền mặt trị giá 528.000.000 đồng đã có biên bản bàn giao với Công ty.

2. Cơ cấu tổ chức công ty



✚ Trụ sở chính : Số nhà 045, Đường Phan Đình Phùng, phường Phố mới, Tp. Lào Cai

✚ Các đơn vị trực thuộc: Công ty có 04 đơn vị trực thuộc như sau:

- Nhà máy khai thác và chế biến chì kẽm Bản Mế

Địa chỉ: thôn Na Pả 2 và Sín Chải 2, xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai

Công ty được phép khai thác quặng chì kẽm tại xã Bản Mế (theo Giấy phép khai thác

khoáng sản số 417/GP-UBND ngày 23/02/2011 của UBND tỉnh Lào Cai) và được chấp thuận dự án đầu tư xây dựng công trình *Xưởng tuyển quặng chì, kẽm Bản Mế, huyện Si Mai Cai* (theo quyết định số 538/QĐ.CT của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai). Nội dung của dự án đầu tư như sau:

- + Đầu tư xây dựng mới Xưởng tuyển chì, kẽm với công suất 2000 tấn tinh quặng/năm.
- + Xưởng sản xuất diện tích: 1.800m², kết cấu nhà khung thép chịu lực, tường xây gạch, chất vữa xi măng mác 50#, trong tường ốp thêm một lớp bông thủy tinh cách nhiệt, nền đổ bê tông mác 150, mái lợp tôn Đông Anh dày 0,37 ly xà gồ U150, vì kèo thép.
- + Nhà làm việc diện tích: 205m², nhà xây mái bằng đổ bê tông, lợp tôn chống nóng, nền lát gạch hoa.
- + Nhà ở công nhân viên diện tích: 480m²; nhà bếp, nhà ăn diện tích 100m², nhà xây cấp 4, vì kèo thép, xà gồ gỗ, mái lợp tôn, nền đổ bê tông.
- + Các hạng mục phụ trợ khác: Vườn hoa cây cảnh, sân, đường nội bộ, bãi để xe, rãnh thoát nước, cấp điện, cấp nước...

- **Xí nghiệp khai thác và chế biến vàng Pắc Ta**

Địa chỉ: Xã Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu

Chức năng chính: Khai thác và chế biến quặng vàng tại công trường.

- **Xí nghiệp khai thác chì kẽm Suối Thầu**

Địa chỉ: Xã Bản Xen, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai

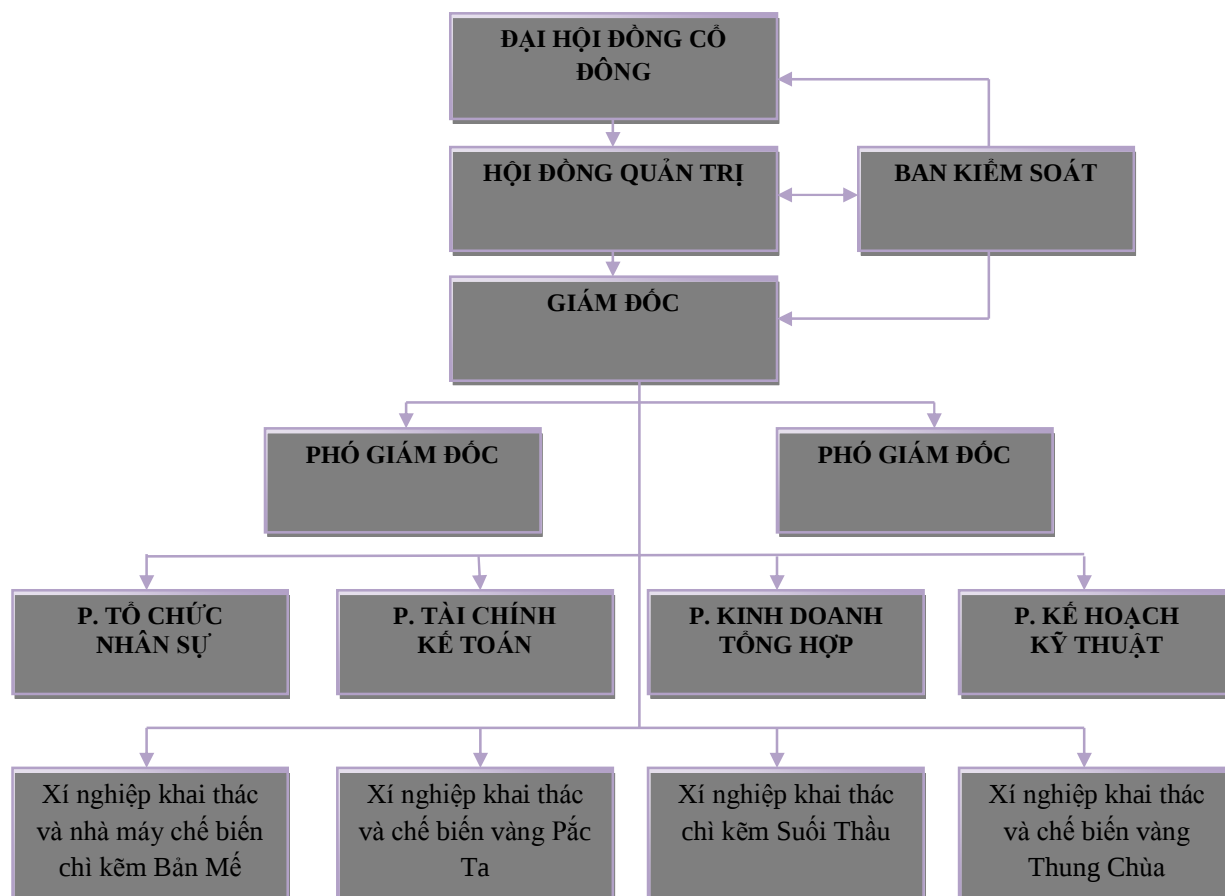
Chức năng chính: Khai thác chì, kẽm để sử dụng làm nguồn nguyên liệu để đảm bảo cho hoạt động của xưởng tuyển quặng chì, kẽm mà Công ty đầu tư tại xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai.

- **Xí nghiệp khai thác và chế biến vàng Thung Chùa.**

Địa chỉ: Thung Chùa, xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình

Chức năng chính: Khai thác và chế biến quặng vàng tại công trường

3. **Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty**



3.1 Đại hội Đồng Cổ Đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần.

3.2 Hội Đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông.

Hiện tại Hội đồng Quản trị Công ty có 05 (năm) thành viên; nhiệm kỳ là 05 (năm) năm.

- | | |
|------------------------------------|-----------------|
| 1. Ông: Bùi Đức Thanh | : Chủ tịch HĐQT |
| 2. Bà: Lưu Thị Thanh Mai | : Ủy viên HĐQT |
| 3. Ông: Vũ Anh Tuấn | : Ủy viên HĐQT |
| 4. Bà: Phạm Thị Hoài Thương | : Ủy viên HĐQT |
| 5. Bà: Bùi Thị Hồng Nhung | : Ủy viên HĐQT |

3.3 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ban Giám đốc của Công ty hiện tại có 03 người trong đó có 1 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc, cụ thể như sau:

- | | |
|------------------------------|----------------|
| 1. Ông: Bùi Đức Thanh | : Giám đốc |
| 2. Ông: Ngô Trường An | : Phó Giám đốc |
| 3. Ông: Phạm Bá Huy | : Phó Giám đốc |

3.4 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại Ban Kiểm soát có 03 thành viên; nhiệm kỳ là 05 năm, cụ thể:

- | | |
|------------------------------------|--------------|
| 1. Bà: Nguyễn Thị Mai Hương | : Trưởng ban |
| 2. Ông: Nguyễn Hữu Việt | : Thành viên |
| 3. Ông: Lê Văn Nam | : Thành viên |

3.5 Kế toán trưởng

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Giám đốc Công ty.

Bà: **Nguyễn Thị Hoa** : Kế Toán Trưởng

3.6 Các phòng ban nghiệp vụ

Phòng Tổ chức Nhân sự: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban giám đốc Công ty.

Phòng Tài chính - Kế toán: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.
- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban giám đốc.

Phòng Kinh doanh Tổng hợp: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt.

Phòng Kế hoạch kỹ thuật: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa máy móc, thiết bị tại các nhà máy, các xí nghiệp phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh và khai thác mỏ tại các xí nghiệp của công ty. Cố vấn cho Ban giám đốc kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị mới.
- Quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Công ty.
- Lập kế hoạch và cung cấp vật tư theo tiến độ thực tế tại các nhà máy, công trường của Công ty.

4. Danh sách cổ công sáng lập và cổ công nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tính đến 20/06/2011

4.1 Danh sách cổ công sáng lập tại thời điểm góp vốn

Theo Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu cấp ngày 18/9/2002 của LCM, Công ty không có cổ đông sáng lập.

4.2 Danh sách cổ công nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 20/06/2011

STT	Tên cổ	CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
-----	--------	------	---------	------------	-------

pdfMachine - is a pdf writer that produces quality PDF files with ease!

Get yours now!

"Thank you very much! I can use Acrobat Distiller or the Acrobat PDFWriter but I consider your product a lot easier to use and much preferable to Adobe's" A.Sarras - USA

				(cổ phần)	
1	Bùi Đức Thanh	012750826 cấp 25/03/2005 tại CA Hà Nội	165 Đường Cầu Giấy, Dịch Vọng, Tp. Hà Nội	1.400.000	16,30%
2	Lưu Thị Thanh Mai	013083214	165 Đường Cầu Giấy, Dịch Vọng, Tp. Hà Nội	800.000	9,32%
Tổng Cộng				2.200.000	25,62%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai)

4.3 Cơ cấu cổ công tính đến ngày 20/06/2011

STT	Cơ cấu	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ công là cá nhân	8.568.000	100%
1.1	Cá nhân trong nước	8.568.000	100%
1.2	Cá nhân nước ngoài	0	0%
2	Cổ công là tổ chức		
2.1	Tổ chức trong nước	0	0
2.2	Tổ chức nước ngoài	0	0
	Tổng cộng	8.568.000	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai)

5. Danh sách những Công ty mẹ, công ty con của LCM, những Công ty mà LCM đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với LCM

5.1 Danh sách công ty mẹ và công ty nắm quyền kiểm soát, chi phối với LCM

Không có

5.2 Danh sách công ty con, những công ty do LCM nắm quyền kiểm soát, chi phối, hoặc góp vốn liên doanh liên kết

LCM có 01 công ty liên kết với một số cá nhân là: Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình

Vốn điều lệ: 01 tỷ đồng, trong đó LCM chiếm 49% điều lệ.

Địa chỉ: Tổ 3, Tiểu Khu Liên Sơn, thị trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Giấy CNĐKKD số 5400332506 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp lần đầu ngày 20/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 10/01/2011.

Hoạt động kinh doanh chính:

- ✓ Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;

- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy khác;
- ✓ Khai thác quặng sắt;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ✓ Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm

Các sản phẩm chính của LCM là từ hoạt động khai khoáng, bao gồm: quặng chì kẽm, quặng vàng và đá xây dựng.

* Quặng chì kẽm:



- Vị trí mỏ khai thác:

- ✓ Thôn Na Pá 2 và thôn Sín Chải 2, xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai
- ✓ Suối Thầu, xã Bản Xen, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai
- ✓ Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Quặng chì kẽm và sản phẩm tinh quặng chì kẽm
- ✓ Thị trường tiêu thụ: Cung cấp làm nguyên liệu đầu vào cho ngành công nghiệp sản xuất bột kẽm oxyt, điện phân luyện kẽm kim loại và chì kim loại và một số ngành khác.

* Quặng vàng:



- Vị trí mỏ khai thác:

- ✓ Tại tỉnh Hòa Bình: Khu I thuộc xã Cao Răm, huyện Lương Sơn có diện tích 19,28 ha; Khu II thuộc xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi (14 ha) và xã Cao Răm, huyện Lương Sơn (16 ha), tổng cộng là 49,28 ha.
- ✓ Tại tỉnh Lai Châu: Xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu.

- ✓ Sản phẩm sau khai thác và chế biến: Quặng vàng và sản phẩm vàng tinh luyện 99,9%
- ✓ Thị trường tiêu thụ: Sản phẩm vàng của Công ty được tiêu thụ tại thị trường trong nước, bán cho các công ty vàng bạc trên địa bàn các tỉnh

* Sản phẩm đá xây dựng



- Vị trí mỏ khai thác: Tại các mỏ mà Công ty tiến hành thi công khai thác quặng chì kẽm và quặng vàng (đá xây dựng tận thu).

- Thị trường tiêu thụ: Trên địa bàn tỉnh và các tỉnh lân cận, phục vụ cho việc xây dựng các công trình dân dụng và hạ tầng.

Ngoài những sản phẩm chính ở trên, Công ty còn kinh doanh sản phẩm tinh quặng đồng, đồng phế liệu. LCM mua tinh quặng đồng và đồng phế liệu dạng dây ép bánh từ các nước Philipin, Lào, Ma Rốc, Australia bán sang các nước bao gồm Hàn Quốc, Nhật bản và Trung Quốc.

Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty giai □oạn 2009 – Quý II/2011

Đơn vị tính: Triệu đồng

DT thuần từ các nhóm sản phẩm, dịch vụ	2009		2010			6T/2011	
	Giá trị	% trong DT thuần	Giá trị	± so với 2009	% trong DT thuần	Giá trị	% trong DT thuần
Quặng và tinh quặng chì kẽm	2.013	100%	750	-62,7%	11,3%	3.323	14,5%
Quặng vàng và vàng tinh luyện	0	0%	2.318	-	35,0%	9.949	43,3%
Đá xây dựng	0	0%	2.182	-	33,0%	4.819	21,0%
Doanh thu khác	0	0%	1.364	-	20,6%	4.858	21,2%
Tổng DT thuần	2.013	100%	6.614	228,6%	100%	22.949	100%

(Nguồn: LCM)

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty giai □oạn 2009 – Quý II/2011

pdfMachine - is a pdf writer that produces quality PDF files with ease!

Get yours now!

"Thank you very much! I can use Acrobat Distiller or the Acrobat PDFWriter but I consider your product a lot easier to use and much preferable to Adobe's" A.Sarras - USA

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lợi nhuận gộp từ các nhóm sản phẩm, dịch vụ	2009		2010			6T/2011	
	Giá trị	% trong LN gộp	Giá trị	± so với 2009	% trong LN gộp	Giá trị	% trong LN gộp
Quặng và tinh quặng chì kẽm	492	100%	377	-23,4%	10,1%	1.775	13,1%
Quặng vàng và vàng tinh luyện	0	0%	1.577	-	42,1%	6.193	45,7%
Đá xây dựng	0	0%	1.310	-	34,9%	3.116	23,0%
Doanh thu khác	0	0%	486	-	13,0%	2.466	18,2%
Tổng LN gộp	492	100%	3.750	662,2%	100%	13.550	100%

(Nguồn: LCM)

Năm 2009, hoạt động của LCM vẫn chủ yếu là kinh doanh quặng và tinh quặng chì kẽm, do vậy 100% doanh thu, lợi nhuận gộp của Công ty đều đến từ sản phẩm này. Do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, giá quặng và tinh quặng chì kẽm biến động phức tạp, không thuận lợi nên LCM giảm năng suất hoạt động đồng thời chủ yếu lưu kho đối với thành phẩm để chờ thời điểm tiêu thụ thích hợp. Thay vào đó, Công ty tích cực tìm kiếm nguồn mỏ mới để xin cấp phép và đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, mua sắm máy móc trang thiết bị để chuẩn bị các cơ sở, nguồn lực nhằm triển khai, phát triển thêm kinh doanh quặng vàng và đá xây dựng. Nhờ những bước chuẩn bị này, sang năm 2010, doanh thu của Công ty tăng lên đáng kể với sự đóng góp thêm của mảng kinh doanh quặng vàng, vàng tinh luyện, đá xây dựng và tinh quặng đồng. Do vậy cơ cấu doanh thu thuần, lợi nhuận gộp năm 2010 có sự thay đổi lớn so với năm 2009. Theo đó, quặng vàng và vàng tinh luyện là sản phẩm mang lại doanh thu và lợi nhuận lớn nhất, chiếm tới 35% trong doanh thu thuần và 42,1% trong lợi nhuận gộp. Thứ 2 đá xây dựng. Doanh thu từ quặng và tinh quặng chì kẽm chỉ còn chiếm 11,3% trong doanh thu thuần và 14,3% trong lợi nhuận gộp đồng thời cũng giảm về giá trị so với năm 2009 do trong năm này, LCM tập trung phần lớn nguồn lực để phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là các mỏ vàng mới được phép khai thác. Còn lại các mảng kinh doanh khác (kinh doanh quặng đồng, tư vấn khai thác mỏ và xây dựng,...) đóng góp 20,6% vào doanh thu thuần và 13% vào lợi nhuận gộp của Công ty.

Trong 6 tháng đầu năm 2011, tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận từ khai thác, kinh doanh quặng vàng và vàng tinh luyện tiếp tục tăng mạnh, trong khi doanh thu, lợi nhuận từ đá xây dựng mặc dù tăng về giá trị so với cả năm 2009 nhưng tỷ trọng đóng góp lại giảm khá mạnh (21% trong doanh thu thuần và 23% trong lợi nhuận gộp). Tỷ trọng doanh thu từ sản phẩm quặng và tinh quặng chì kẽm trên tổng doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2011 tăng nhẹ so với cả năm 2010 (từ 10,1% lên 13,1%) tuy nhiên nếu xét về giá trị lại tăng tới 157,6%. Điều này là do trong 6 tháng đầu năm 2011, giá sản phẩm quặng và tinh quặng chì kẽm đã có những biến động thuận lợi. Đồng thời Công ty cũng đã huy động, sắp xếp được các nguồn lực (nhân công, máy móc thiết

bị) hợp lý, ổn định cho từng mảng kinh doanh nên hiệu quả kinh doanh đối với tất cả các sản phẩm nói chung, quặng và tinh quặng chì kẽm nói riêng đều tăng lên đáng kể.

6.2 Nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào

Nguồn nguyên nhiên vật liệu

Nguyên nhiên vật liệu đầu vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Quặng nguyên khai chì, kẽm...
- Quặng vàng, vàng sa khoáng...
- Đá xây dựng các loại...
- Các thiết bị khai thác như: Máy xúc, dàn nghiền tuyển, xe Ben, máy khoan thủy lực, búa đập, máy bơm áp lực cao,...
- Các thiết bị phục vụ xây dựng, vận chuyển như: Xe tải các loại, máy xúc, máy ủi, máy san gạt, lu tĩnh, lu rung,...
- Thuốc nổ công nghiệp
- Các thiết bị điện, nước phục vụ khai thác, xây dựng và chế biến khoáng sản như dây điện, ống nhựa, trạm biến áp...
- Nhiên liệu xăng, dầu, than: Chiếm khoảng 15% trên tổng phí sản xuất của Công ty. Nguồn nhiên liệu được cung cấp chủ yếu cho các thiết bị thi công, khai thác mỏ tại các xưởng, nhà máy, các phương tiện vận chuyển như xe Ben, xe tải,...

Sự ổn định của các nguồn cung cấp này

Đối với nguồn nguyên liệu khoáng sản, hiện nay, LCM đang được cấp phép khai thác các mỏ sau:

✓ **Mỏ quặng chì kẽm tại xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai**

- Mỏ quặng chì kẽm tại Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai được Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh Lào Cai cấp Giấy phép khai thác số 3051/QĐ-UBND cho Công ty TNHH Gia Long ngày 24 tháng 10 năm 2006 có thời hạn khai thác trong 04 năm. Ngày 24 tháng 01 năm 2010, căn cứ theo Công văn xin gia hạn Giấy phép khai thác mỏ của Công ty TNHH Gia Long, Sở tài nguyên Môi trường tỉnh Lào Cai có tờ trình đồng ý cho gia hạn giấy phép khai thác mỏ, đến ngày 23 tháng 02 năm 2011 Công ty nhận được Giấy phép gia hạn số 417/GP-UBND của UBND tỉnh Lào Cai cho phép gia hạn thời gian khai thác đến hết tháng 10/2013.
- Diện tích khai thác 09 ha.
- Công suất khai thác dự tính: 10.000 m³/ năm
- Tinh quặng chì: Pb, hàm lượng Pb $\geq 50\%$, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, khu vực EU;
- Tinh quặng kẽm: Zn, hàm lượng Zn $\geq 50\%$, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu ra thị trường Quốc tế.
- Tiềm năng tài nguyên mỏ chì kẽm Bản Mế: Quặng chì kẽm phân bố trong các đá lục nguyên Cacbonat thuộc hệ tầng Chang pung tuổi Cambri. Chiều rộng đới 200 – 250m, dài trên 3km. Kết quả công tác tìm kiếm của Liên đoàn địa chất Intergeo đã phát hiện được 5 thân quặng,

các thân quặng có chiều dài 150 – 380m, dày 0,5 – 5m. Khoáng vật quặng gồm galenit, sphalerit. Hàm lượng chì Pb: 0.6 – 6%, Zn: 4 – 12,5%. Tài nguyên dự báo khoảng 134.000 tấn chì kẽm kim loại.

- Trung bình Quặng nguyên khai khai thác được có hàm lượng: Pb + Zn: 5-10%
- Với tiềm năng trữ lượng nêu trên, trữ lượng mỏ Bản Mế đủ cung cấp nguyên liệu cho nhà máy trong vòng 7- 10 năm tới.

✓ **Mỏ quặng chì kẽm tại Suối Thầu, xã Bản Xen, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai**

- Mỏ quặng chì kẽm tại Suối Thầu, xã Bản Xen, huyện Mường Khương tỉnh Lào Cai được cấp Giấy phép khai thác số 3206/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2006 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai với thời hạn 10 năm kể từ ngày cấp phép.
- Diện tích khu vực khai thác: 13,2 ha
- Công suất khai thác dự tính: 10.000 tấn/ năm
- Thời hạn khai thác: Đến ngày 07 tháng 11 năm 2016, khi hết hiệu lực giấy phép Công ty sẽ tiếp tục xin gia hạn.
- Tiềm năng khoáng sản chì kẽm mỏ Suối thầu: Quặng chì kẽm phân bố trong các đá lục nguyên Cacbonat thuộc hệ tầng Chang pung tuổi Cambri. Kết quả công tác tìm kiếm của Liên đoàn địa chất Intergeo đã phát hiện được 6 thân quặng, mỗi thân dày trung bình: 0.5 – 1.5 m, có chiều dài: 50 – 240 m. Hàm lượng Pb: 1.5 – 10.6%, Zn: 4,6 -31%. Tài nguyên dự báo toàn mỏ Suối Thầu có khoảng 135.000 tấn kim loại chì kẽm.
- Trung bình Quặng nguyên khai khai thác được có hàm lượng: 20-30%

✓ **Mỏ vàng tại khu vực Thung Chùa, xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi và bản Ngọc Lâm, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình**

- Mỏ vàng tại khu vực Thung Chùa, xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi và bản Ngọc Lâm, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình được cấp Giấy phép khai thác số 80/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2009 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Hòa Bình với thời hạn khai thác 13 năm kể từ ngày ký.
- Diện tích khai thác: 49,28 ha
- Công suất khai thác dự tính: 18.000 tấn quặng/ năm
- Thời hạn cấp phép: Đến ngày 12 tháng 11 năm 2022
- Quặng khai thác từ mỏ có hàm lượng Au từ 6- 12g/m³, Sau quá trình tuyển khoáng có hàm lượng 50 -70g/ m³. Công ty đang đầu tư dây chuyền chiết xuất vàng thương phẩm có hàm lượng Au bằng 99,9%;
- Tiềm năng vàng tại khu vực Thung Chùa (Cao Răm – Đồi Bù) tỉnh Hòa Bình: Vàng gốc ở tỉnh Hoà Bình đã được phát hiện và đánh giá ở các điểm khoáng sản Vai Đào - Cao Răm - Đồi Bù, huyện Lương Sơn (cấp C2 + P1 = 6.930 kg), Miếu Môn (Xã Trung Sơn, huyện

Kim Bôi, trữ lượng cấp C2 + P1 + P2 = 1.457 kg, Trại Khoai (Xã Phú Minh, huyện Kỳ Sơn), tài nguyên dự báo là 238,8 kg và một số biểu hiện khoáng hoá vàng ở Xóm Giếng, Xóm Pu, Rồng Cẩn. Qua công tác thăm dò đã xác định có 09 thân quặng.

Các điểm vàng gốc thường liên quan chặt chẽ với các đá phun trào bazan porphyry, trachit, trachit porphyry và felsit bị biến đổi của hệ tầng Việt Nam. Các đá vây quanh bị biến đổi thạch anh hoá, sericit hoá, kaolin hoá. Theo hướng dốc của các lớp đá trachit, felsit chứa khoáng hoá, càng xuống sâu mức độ dập vỡ và biến đổi càng yếu, hàm lượng khoáng vật quặng giảm. Quặng có cấu tạo xâm tán, xâm nhiễm.

Tại điểm khoáng sản Vai Đào - Cao Răm có 9 thân quặng có chiều dài 100 - 260m, chiều dày 0,6 - 4,14m. Hàm lượng trung bình Au: 1,6 - 18g/T. Thành phần khoáng vật quặng là pyrit, arsenopyrit, chalcopyrit, vàng tự sinh, sphalerit, galenit, covelin....

Các điểm quặng vàng nhìn chung, chưa được đánh giá đầy đủ, tuy nhiên sơ bộ bước đầu có thể xác định trữ lượng vàng cấp c2 và p1 lên tới 1.000kg.

✓ **Mỏ vàng tại xã Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu**

- Theo Giấy phép khai thác số 1329/QĐ-UBND ngày 27 tháng 09 năm 2007 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lai Châu cấp phép cho Chi nhánh doanh nghiệp tư nhân xây dựng thương mại Hồng Mạnh tại Lai Châu được khai thác và chế biến vàng tại Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Tuy nhiên, theo Hợp đồng kinh tế số 01 KSLC về việc Liên doanh khai thác khoáng sản tại tỉnh Lai Châu giữa Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng – Thương mại Hồng Mạnh tại Lai Châu và Công ty TNHH Gia Long ngày 14 tháng 08 năm 2009, thì bên Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng – Thương mại Hồng Mạnh đã quyết định giao toàn quyền đầu tư, khai thác, chế biến vàng tại mỏ Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu cho Công ty TNHH Gia Long và được hưởng 5% trên tổng lợi nhuận mà Công ty TNHH Gia Long làm ra tại mỏ Pắc Ta.

- Diện tích khai thác: 26 ha
- Công suất khai thác, chế biến: 10.000 tấn quặng vàng/ năm
- Thời hạn khai thác: Đến ngày 27 tháng 09 năm 2010, hiện tại Công ty đang kết hợp với đơn vị liên doanh để xin gia hạn thời gian khai thác và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lai Châu nhận hồ sơ số 43/HS-VP ngày 27 tháng 08 năm 2010.
- Quặng khai thác từ mỏ có hàm lượng Au từ 5- 13g/m³, Sau quá trình tuyển khoáng có hàm lượng 50 -70g/ m³. Công ty đang đầu tư dây chuyền chiết xuất vàng thương phẩm có hàm lượng Au bằng 99,9%.

Hiện nay Công ty đang tiến hành nộp hồ sơ xin gia hạn khai thác tại Sở Tài nguyên và môi trường, dự kiến trong vòng 1 - 2 tháng tới sẽ có Giấy phép gia hạn khai thác đối với mỏ vàng tại xã Pắc ta.

Đối với các vật tư, nhiên liệu, danh sách một số nhà cung cấp chính cho Công ty như sau:

TT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Sản phẩm cung cấp
1	Nhà máy thiết bị khai thác chế biến khoáng sản	Thành phố Cô Cầu, Vân Nam, Trung Quốc	Dây chuyền thiết bị tuyển nổi quặng chì, kẽm
2	Nhà máy thiết bị công nghiệp YUHAO- Vân Nam – Trung Quốc	Vân Nam – Trung Quốc	Dây chuyền thiết bị tuyển quặng vàng
3	Công ty Hóa chất Côn Minh- Trung Quốc	Tp. Côn Minh, Trung Quốc	Hóa chất phục vụ tuyển quặng nổi
4	Công ty Cổ phần Tự Thành	182 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội	Máy nghiền đá, băng tải, con lăn
5	Công ty Thương mại cơ khí Việt Nhật	Đường Hoàng Mai, P.Hoàng Văn Thụ, Q.Hoàng Mai, Hà Nội	Thiết bị Công trình, máy xúc đào, máy ủi
6	Công ty Xây lắp điện Vũ yên	Tp. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Xây lắp trạm biến áp, và đường dây
7	Công ty Điện lực Lào Cai	Tp. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Cung cấp điện sản xuất
8	Công ty Xăng dầu Lào Cai	Tp. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Xăng dầu các loại

(Nguồn: LCM)

Nhìn chung, với các mỏ đã được cấp giấy phép khai thác vẫn còn hiệu lực cũng như những mỏ đang trong thời hạn xin gia hạn có trữ lượng tương đối cao và chất lượng tốt, nguồn cung ứng vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất của LCM luôn ổn định và dồi dào, đáp ứng đầy đủ nhu cầu thị trường và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ. Nguồn cung ứng nhiên liệu thiết yếu như xăng, dầu cũng rất ổn định về số lượng cũng như chất lượng vì Công ty đã có được quan hệ đối tác bền chặt trong nhiều năm với các nhà cung ứng nhiên liệu trong phạm vi tỉnh cũng như một vài tỉnh thành trên cả nước.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Nguyên liệu chủ yếu phục vụ sản xuất của LCM được khai thác trực tiếp tại các mỏ và mua ở các mỏ lân cận. Vì vậy, những chính sách quản lý vĩ mô của nhà nước trong quản lý nguồn tài nguyên khoáng sản sẽ ảnh hưởng rất lớn đến nguồn nguyên liệu của Công ty. Bất cứ một sự thay đổi nào về chính sách đều ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của LCM.

pdfMachine - is a pdf writer that produces quality PDF files with ease!

Get yours now!

"Thank you very much! I can use Acrobat Distiller or the Acrobat PDFWriter but I consider your product a lot easier to use and much preferable to Adobe's" A.Sarras - USA

Nguồn cung ứng năng lượng cho Công ty là các Công ty kinh doanh xăng dầu trong nước. Nhìn chung số lượng cung cấp nhiên liệu xăng dầu rất ổn định về số lượng và giá cả xăng dầu được thực hiện theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên kể từ đầu năm 2009 cho đến nay, giá cả xăng dầu trên thế giới cũng như trong nước đã tăng khá mạnh do nhu cầu sử dụng tăng lên, kéo theo chi phí đầu vào cho sản xuất của Công ty cũng tăng lên. Diễn biến giá cả nhiên liệu trên thị trường trong thời gian tới sẽ có ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài những tác động của các nhân tố liên quan trực tiếp đến giá cả nguyên vật liệu đầu vào của Công ty, chính sách của Nhà nước đối với ngành khoáng sản cũng ảnh hưởng lớn đến ngành khai thác khoáng sản nói chung và công ty nói riêng. Với chủ trương bảo vệ nguồn tài nguyên quốc gia và khuyến khích các doanh nghiệp khoáng sản đầu tư vào các dự án chế biến sau khai thác nhằm nâng cao hiệu quả, tránh lãng phí tài nguyên. Hiện nay, Chính phủ đã ban hành hàng loạt các chính sách nhằm kiểm soát hoạt động của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản như quy định việc cấp phép mỏ phải có đủ điều kiện về vốn, công nghệ, thời gian khai thác, tăng thuế, phí tài nguyên, ... Điều này dẫn đến tăng chi phí cho các doanh nghiệp ngành khoáng sản và ảnh hưởng đến doanh thu lợi nhuận của Công ty.

6.3 Chi phí sản xuất

Đơn vị tính: triệu đồng

Loại chi phí	2009		2010			6T/2011	
	Giá trị	% trong DT thuần	Giá trị	± so với 2009	% trong DT thuần	Giá trị	% trong DT thuần
-Giá vốn hàng bán	1.521	75,6%	2.863	88,2%	43,3%	9.399	41,0%
-Chi phí bán hàng	0	0,0%	0	-	0,0%	-	0,0%
-Chi phí quản lý doanh nghiệp	447,4	22,2%	1.036	131,6%	15,7%	1.049	4,6%
-Chi phí tài chính	0,3	0,0%	0	-	0,0%	-	0,0%
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	0	0,0%	0		0,0%	-	0,0%
-Chi phí khác	0	0,0%	0		0,0%	35,6	0,2%
Tổng cộng	1.968,7	97,8%	3.899	98,0%	59,0%	10.484	45,7%

(Nguồn: BCTC KT năm 2009, 2010 và BCTC 6 tháng/2011 của LCM)

Năm 2010, với sự mở rộng hoạt động sang các mảng khai thác, kinh doanh quặng vàng, vàng tinh luyện và đá xây dựng, chi phí sản xuất của LCM tăng lên 98,0% so với năm 2009, tuy nhiên, vẫn thấp hơn rất nhiều so với tốc độ tăng của doanh thu thuần (năm 2010, doanh thu thuần tăng tới 228,5% so với năm trước). Bên cạnh đó, tỷ trọng các loại chi phí sản xuất trong doanh thu thuần cũng có những thay đổi rất tích cực so với năm 2009, theo đó: tỷ trọng giá vốn hàng bán giảm từ 75,6% xuống còn 43,3%, tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp giảm từ 22,2% xuống còn 15,7%.

Sang giai đoạn 6 tháng đầu năm 2011, tình hình quản lý chi phí sản xuất tiếp tục có những chuyển biến tích cực so với năm 2009-2010. Trong khi doanh thu thuần và lợi nhuận gộp đều tăng so với

năm 2009, tỷ trọng giá vốn hàng bán chỉ còn chiếm 41% trong doanh thu thuần và đặc biệt tỷ trọng chi phí quản lý doanh nghiệp giảm rất mạnh (chỉ bằng 4,6% doanh thu thuần).

Có được kết quả này là nhờ vào hiệu quả của việc nâng cao năng lực sản xuất và thực thi chính sách tiết kiệm. Công ty đã thực hiện chuyên môn hóa các công đoạn sản xuất, nâng cao công nghệ sản xuất, hiện đại hóa quá trình khai thác và chế biến tinh quặng để giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động. Đồng thời, LCM tiến hành kiện toàn lại bộ máy tổ chức và hoạt động theo hướng tinh gọn các phòng ban song song với việc quán triệt tinh thần tiết kiệm trong lao động - sản xuất tới từng cán bộ công nhân viên nhằm giảm định mức tiêu hao nhiên liệu, năng lượng trong các khâu sản xuất.

Đối với hoạt động tiêu thụ, do Công ty thực hiện giao thành phẩm cho khách hàng ngay tại nơi sản xuất, chế biến nên Công ty không phát sinh chi phí bán hàng. Bên cạnh đó, do lãi vay tín dụng cao nên trong giai đoạn 2010 – Quý II/2011, LCM không thực hiện vay nợ, dẫn đến chi phí lãi vay bằng 0.

6.4 Trình độ công nghệ

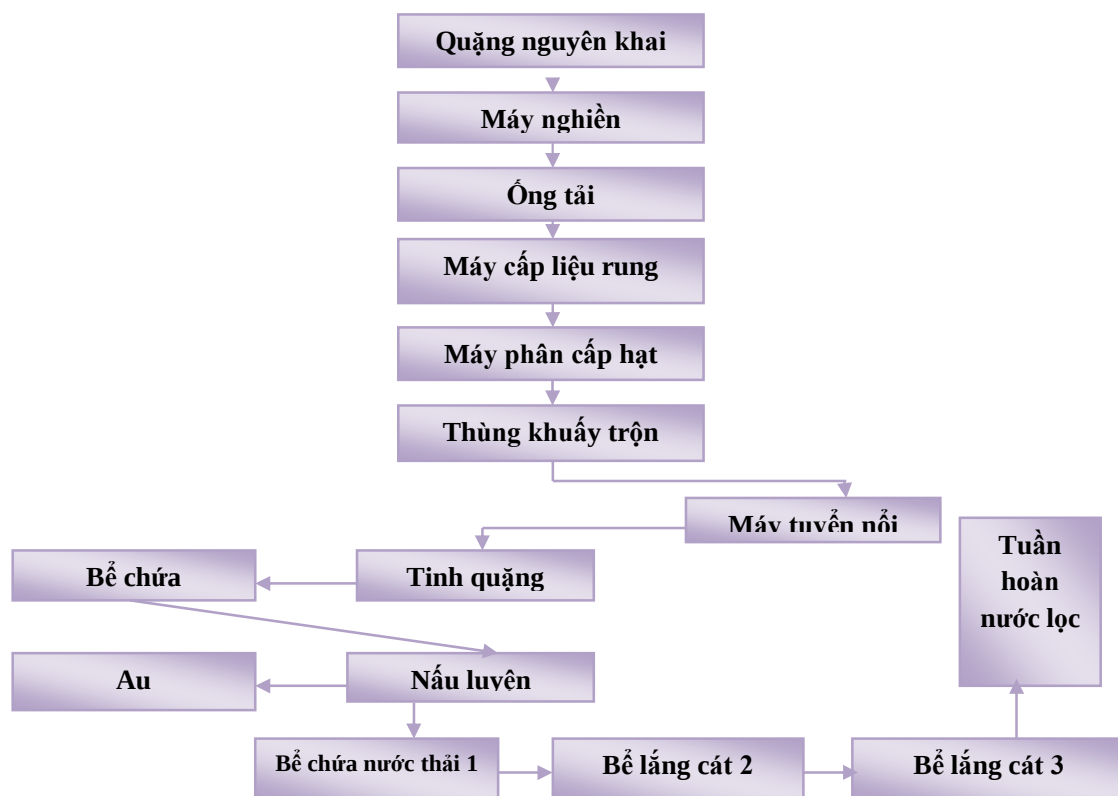
Hiện nay Công ty đang sử dụng những công nghệ và trang thiết bị trong thăm dò, khai thác và sản xuất khoáng sản rất phù hợp với địa chất các điểm mỏ thuộc chủ quyền, cũng như đáp ứng những yêu cầu khắt khe về đảm bảo an toàn sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái. Các dây chuyền nghiền, đập, phân loại và tuyển khoáng của Công ty chủ yếu được nhập từ Trung Quốc, Đức, Ý,... chỉ có một số thiết bị máy móc sử dụng công nghệ trong nước. Đặc biệt, công nghệ khai thác và sản xuất chì kẽm được áp dụng công nghệ mới, cho ra chất lượng sản phẩm cao.

Hệ thống dây chuyền sản xuất Quặng chính của Công ty nhập khẩu từ Trung Quốc năm 2008, có công suất 200 tấn quặng/ngày, với độ lọc tinh từ 60 – 70% đủ tiêu chuẩn xuất khẩu ra Quốc tế cũng như bán cho các nhà máy luyện kim loại màu trong nước.

Dây chuyền sản xuất của công ty tạo ra những sản phẩm tinh luyện có hàm lượng rất cao, được các đối tác đánh giá cao.

Dây chuyền sản xuất vàng

Quặng khai thác từ hầm lò được vận chuyển về xưởng tuyển. Tại đây quặng được đưa vào máy đập hàm, đập đến cỡ hạt ≤ 15 mm. Sau đó được đưa vào máy nghiền bi cùng lúc với việc cung cấp vôi tạo độ pH thích hợp cho quá trình tuyển nổi. Quặng được nghiền đến cấp hạt 200 mesh – 0.074mm (đạt tỷ lệ đến 50-60%). Dung dịch bùn quặng sau khi qua máy nghiền bi được đưa vào máy lắng phân cấp. Phần sản phẩm nặng trong đó hợp kim của vàng và chì được tách ra từ máy phân cấp, tiếp tục được đưa qua tuyển trọng lực bằng bàn đãi lắc. Quặng đuôi được loại bỏ và sản phẩm cát nặng thu được, sẽ được đưa vào nấu luyện để thu hồi vàng.



Công nghệ sản xuất tinh quặng chì kẽm

Quặng nguyên khai cấp cho nhà máy nhờ ô tô vận tải từ khai trường về đổ vào sàng có lưới. Quặng được nghiền thô cho lọt sàng xuống bong ke, thông qua máy nghiền kẹp hàm quặng được nghiền thành cỡ hạt 30m.m. Sản phẩm sau đó được băng tải chuyển đến sàng rung để tách cỡ hạt 10m.m, sản phẩm cỡ hạt 10m.m đưa vào máy nghiền bi nghiền cỡ hạt 0,074m.m rồi cho vào máy nghiền bi làm việc chu trình kín với máy phân cấp ruột xoắn cấp hạt vào khuấy với các thuốc rồi vào chu trình tuyển. Tại đây bùn quặng được tuyển nổi lấy chì kẽm.



Bên cạnh việc đầu tư dây chuyền hiện đại đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm đầu ra, vấn đề xử lý chất thải và bảo vệ môi trường cũng được Công ty chú trọng.

- Đối với nước thải: Với nước thải từ mỏ Công ty bố trí hệ thống mương rãnh tháo khô, thoát nước mỏ, ngăn nước mặt chảy tràn vào mỏ, lựa chọn nguồn nước tiếp nhận nước thải xa khu dân cư, nước lưu thông. Công ty áp dụng phương pháp lắng cơ học kết hợp với phương pháp lắng trung hòa để xử lý phần nước thải từ mỏ trước khi thải ra môi trường. Với nguồn nước thải từ sinh hoạt công ty xử lý bằng hố ga lắng cặn và bể tự hoại, nồng độ các chất ô nhiễm sau xử lý đạt tiêu chuẩn TCVN 6772:2000.
- Đối với chất thải rắn: Đất đá thải của mỏ được đổ vào bãi thải, được quản lý và cất giữ đúng kỹ thuật, chất thải được thải theo lớp dày 20 – 25 m, bản dốc không lớn hơn 30-35 độ, xây dựng rãnh thoát nước và đê chắn để tránh hiện tượng sạt lở.

- Đối với chất thải đất đá có chứa các chất độc hại trước khi thải Công ty tiến hành lót đáy bãi thải bằng lớp đất (sét) không thấm nước với chiều dài tiêu chuẩn từ 0,6 – 1m và lu lèn đến $k < 10^{-6}$ cm/s hoặc vùi địa chất.
- Đối với các khu vực sau khi khai thác xong Công ty tiến hành phục hồi môi trường cảnh quan bằng cách sử dụng các chế phẩm có hoạt tính sinh học như phân vi sinh sản xuất từ than, từ rác hữu cơ, các hoạt sinh vi sinh thổ nhưỡng.

Ngoài ra Công ty còn kết hợp với chính quyền địa phương tăng cường công tác hoàn thổ, phục hồi môi trường, tạo điều kiện giáo dục tạo việc làm cho lao động địa phương sau khai thác.

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Hoạt động Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới luôn được Công ty dành sự quan tâm và đầu tư đáng kể. Đội ngũ nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Công ty trong những năm qua đã tập hợp được những cán bộ nòng cốt, có trình độ chuyên môn cao, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc đã không ngừng nghiên cứu, tìm tòi và phát triển những sản phẩm mới nhằm đem lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao cho Công ty. Một trong những thành tựu nổi bật của Ban là đã cùng với các cán bộ nghiên cứu của các Công ty khác trong ngành, sáng chế ra công nghệ và quy trình sản xuất, cho ra sản phẩm đạt chất lượng cao.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng

Công ty rất chú trọng đầu tư cho khâu quản lý, giám sát chất lượng sản phẩm từ khai khoáng đến từng công đoạn. Để đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường, các sản phẩm từ khai khoáng của Công ty đều phải trải qua những công đoạn kiểm tra, giám sát sau:

- Tại các mỏ đều có các cán bộ chuyên môn trực tiếp giám sát quá trình khai thác, sàng lọc quặng nguyên khai
- Sau quặng nguyên khai được đưa vào quy trình sàng lọc, nghiền tuyển với các máy móc hiện đại, sản phẩm sau tuyển chọn sẽ được đưa vào phòng thí nghiệm để phân tích hàm lượng quặng. Chỉ những lô sản phẩm có chất lượng tốt, đủ tiêu chuẩn bán ra thị trường mới được phép lưu kho sản phẩm.
- Toàn bộ quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm quặng của Công ty đều được áp dụng theo quy chuẩn nghiêm ngặt.
- Tại hiện trường thi công đều có lực lượng giám sát kỹ thuật hiện trường, thí nghiệm hiện trường trực tiếp kiểm tra, giám sát chất lượng công trình.
- Tại phòng thí nghiệm: Công ty kết hợp với phòng thí nghiệm của Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Lào Cai để kiểm tra, thí nghiệm cơ lý hóa nhằm đảm bảo chất lượng trước khi đưa vật liệu vào thi công như: thép, cát đá sỏi, xi măng,..

Công ty đang áp dụng các tiêu chuẩn Nhà nước, tiêu chuẩn ngành, bên cạnh đó công ty xây dựng một bộ tiêu chuẩn riêng phù hợp với từng loại sản phẩm để giám sát việc lựa chọn từ nguyên liệu

đầu vào đến sản phẩm đầu ra. Hiện nay, công ty đang hoàn thiện quy trình giám sát để xin chấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 và đặt mục tiêu sẽ đạt được trong năm tới.

6.7 Hoạt động Marketing

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Mỗi thành viên trong công ty có nghĩa vụ quảng bá thương hiệu và sản phẩm của mình ra ngoài thị trường. Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Mặc dù Công ty đã đổi tên, tuy nhiên thương hiệu của Công ty vẫn được đông đảo bạn hàng và các đối tác biết đến không chỉ trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Lai Châu mà còn lan tỏa, có chỗ đứng vững chắc trên địa bàn cả nước cũng như đối tác nước ngoài Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật và các nước khối EU.

6.8 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhận hiệu của Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai:



Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhận hiệu cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty cho đến thời điểm hiện tại.

6.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Đối tác ký hợp đồng	Số hợp đồng	Nội dung	Giá trị
01	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tổng hợp Bắc sông Cầu Thái Nguyên	01/2008/HĐMB	Quặng chì kẽm (quặng sunfua) quặng cục nguyên khai	2.570.000.000 (VNĐ)
02	Công ty TNHH Hoa Phong (Hà Khẩu, Vân Nam, Trung Quốc)	03 /2008/XK	Tinh quặng sunfua chì (hàng đã qua chế biến) Pb ≥ 50%	1.132.500 (Nhân dân tệ)
03	Công ty TNHH Khoáng Nghiệp khuôn nguyên – Trung Quốc	04/2008XK	Tinh quặng sunfua chì (hàng đã qua chế biến) Pb ≥ 50%	928.700 (Nhân dân tệ)
04	Công ty Hữu hạn Khoáng sản Phúc Lợi Đằng Phi – Trung Quốc	05 /2008/XK	Tinh quặng Sunfua chì	660.000 (Nhân dân tệ)
05	Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	10/HĐ-KT	Đá tổng hợp các loại	2.400.000.000 (VNĐ)

pdfMachine - is a pdf writer that produces quality PDF files with ease!

Get yours now!

"Thank you very much! I can use Acrobat Distiller or the Acrobat PDFWriter but I consider your product a lot easier to use and much preferable to Adobe's" A.Sarras - USA

TT	Đối tác ký hợp đồng	Số hợp đồng	Nội dung	Giá trị
06	Công ty cổ phần Hằng Nguyên	06/ HĐ - KT	Bán quặng chì kẽm (Zn)	30.000.000.000 (VNĐ)
07	Công ty cổ phần Thương mại – XNK Gia Huy	07/ MB	Bán quặng chì kẽm (Zn)	16.000.000.000 (VNĐ)
08	Công ty Xây dựng Hiệp Thành	01/2011/ HĐMB	Mua quặng chì, kẽm phục vụ nhà máy chế biến quặng Bản Mế - Simacai	100.000.000.000 (VNĐ)
09	Công ty Cổ phần Xây dựng và Khoáng sản Đông Bắc	02/2011/ HĐMB	Mua quặng chì, kẽm phục vụ nhà máy chế biến quặng Bản Mế - Simacai	50.000.000.000 (VNĐ)
10	Công ty kim loại màu Thái Nguyên	06/2011/HĐ	Bán tinh quặng sunfat kẽm Zn $\geq$ 50%	75.380.000.000 (VNĐ)
11	Công ty Hữu hạn Khoáng sản Phúc Lợi	08 /2011/XK	Bán tinh quặng sunfat chì, kẽm	30.000.000 (Nhân dân tệ)
12	Công ty cổ phần Hằng Nguyên	09/2011/ XK	Bán tinh quặng sunfat chì, kẽm	20.000.000 (Nhân dân tệ)

(Nguồn: LCM)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm gần nhất

7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2009	2010		6T/2011
	Giá trị	Giá trị	±so với 2009	Giá trị
Tổng giá trị tài sản	18.970	88.764	367,9%	100.806
Doanh thu thuần	2.013	6.614	228,6%	22.949
Lợi nhuận gộp từ BH&CCDV	492	3.750	662,2%	13.550
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	219	2.715	1.139,7%	12.502
Lợi nhuận khác	0	0	-	-35,6
Lợi nhuận trước thuế	219	2.715	1.139,7%	12.467
Lợi nhuận sau thuế	219	2.455	1.021,0%	11.220
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	0%	-	-

pdfMachine - is a pdf writer that produces quality PDF files with ease!

Get yours now!

"Thank you very much! I can use Acrobat Distiller or the Acrobat PDFWriter but I consider your product a lot easier to use and much preferable to Adobe's" A.Sarras - USA

(Nguồn: BCTC KT năm 2009, 2010 và BCTC 6 tháng/2011 của LCM)

Ghi chú: Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp, theo Quyết định số 161/CT/TT&HT ngày 28/01/2011 của Cục Thuế tỉnh Lào Cai, Công ty được áp dụng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời hạn 06 năm tiếp theo. Theo Quyết định này, LCM được miễn thuế cho năm 2007 và 2008; từ năm 2009 - 2014: LCM được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%; từ năm 2015 -2017, thuế suất này sẽ là 20%.

Giai đoạn 2008 - 2009, suy thoái kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giá sản phẩm đầu ra đối với quặng và tinh quặng chỉ kém thấp, biến động phức tạp nên LCM quyết định giảm năng suất hoạt động tại một số xí nghiệp. Sản phẩm sản xuất ra trong năm này phần lớn lưu kho để chờ cơ hội thị trường có chuyển biến tích cực sẽ đưa ngay vào chế biến và tiêu thụ. Do vậy, doanh thu và lợi nhuận đạt được trong năm 2009 chưa cao. Hoạt động của LCM trong thời gian này chủ yếu là xin cấp phép và đầu tư xây dựng nguồn mỏ mới, nâng cấp cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, mua sắm máy móc trang thiết bị nhằm mở rộng sang khai thác, kinh doanh quặng vàng, vàng tinh luyện, đá xây dựng cũng như đón đầu sự phục hồi của nền kinh tế.

Bước sang năm 2010, kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã bắt đầu có những bước hồi phục, Công ty tiến hành tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu (từ 2,158 tỷ đồng lên 85,68 tỷ đồng thông qua nhận vốn góp bằng tiền và bằng tài sản) và đầu tư mạnh vào sản xuất kinh doanh, tiếp tục nâng cấp hạ tầng, dây chuyền công nghệ để tăng hiệu quả sản xuất và đón sóng tăng giá của các sản phẩm chỉ kém, vàng, đá xây dựng. Chính vì vậy, tổng tài sản của Công ty tại thời điểm cuối năm 2010 có bước tăng trưởng nhảy vọt, đạt 367,9% và kèm theo đó là kết quả kinh doanh được cải thiện đáng kể so với năm trước. Doanh thu thuần đạt tốc độ tăng tới 228,6%, lợi nhuận sau thuế tăng 1.021,0%.

Kết quả kinh doanh năm 2010 đã đánh dấu một bước khởi đầu tốt đối với Công ty trong việc mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa sản phẩm và hứa hẹn những kết quả khả quan hơn nữa trong tương lai. Điều này có thể thấy được một phần thông qua kết quả LCM đã đạt được trong 6 tháng đầu năm 2011 với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đều cao hơn so với thực hiện cả năm 2010. Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2011 lần lượt bằng 3,47 lần và 4,57 lần so với năm 2010. Sự tăng trưởng vượt trội nhờ vào việc tăng năng suất khai thác tại các mỏ vàng. Bên cạnh đó, giá quặng vàng, vàng tinh luyện cũng như giá quặng và tinh quặng chỉ kém trên thị trường đều có tốc độ tăng trưởng tốt.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

7.2.1 Thuận lợi:

- **Chính sách của Nhà nước:** Khoáng sản và xây dựng là những ngành được Nhà nước dành cho những chính sách ưu đãi về hoạt động khai thác ở những vùng có cơ sở hạ tầng

kém phát triển, những doanh nghiệp có kỹ thuật, công nghệ chế biến tiên tiến, khai thác và sử dụng tài nguyên hiệu quả mang lại giá trị và hiệu quả kinh tế cao.

- **Nguồn lực sản xuất:** Hiện tại, nguồn lực sản xuất của Công ty vẫn đang rất dồi dào, với các mỏ khai thác có trữ lượng lớn. Việc cần làm hiện nay của Công ty là mở rộng sản xuất về quy mô, nâng cao năng lực sản xuất để có thể khai thác được tối đa nguồn tài nguyên đã được cấp phép.
- **Nguồn lực con người:** Với đội ngũ CBCNV tận tâm, tay nghề cao, được điều hành bởi những cán bộ, lãnh đạo có trình độ chuyên môn cao, Công ty có đủ nội lực để phát triển một cách mạnh mẽ và bền vững trong những năm tới.
- **Thị trường tiêu thụ sản phẩm:** Nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm quặng của Công ty như chì, kẽm, vàng, đá xây dựng... đều đang tăng cao. Hơn nữa Công ty đã xây dựng được những kênh tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm rất ổn định với giá trị hợp đồng lớn, thị trường không chỉ ở trong nước mà còn mở rộng ra các nước lân cận.

7.2.2 Khó khăn

- **Tình hình kinh tế trong và ngoài nước:** Kinh tế thế giới và Việt Nam vừa trải qua một giai đoạn hết sức khó khăn và mới chỉ bắt đầu phục hồi nên vẫn còn rất nhiều những thử thách trong thời gian tới. Các ngành công nghiệp dùng nguyên liệu quặng làm nguyên liệu đầu vào nhìn chung đều giảm công suất sản xuất, kéo theo đầu ra cho sản phẩm quặng cũng bị thu hẹp lại trong thời gian qua. Giá vật liệu đầu vào từ đầu năm 2009 đã tăng khá mạnh cũng gây ra những khó khăn nhất định trong vấn đề quản lý, hoạch định chi phí sản xuất của Công ty.
- **Trữ lượng mỏ khai thác:** Mặc dù có trữ lượng mỏ được cấp phép tương đối lớn, nhưng vấn đề quản lý, khai thác cũng là một thách thức không nhỏ đối với Công ty. Hiện tại các mỏ tình trạng khai thác tự do, khai thác lậu, cướp sản phẩm diễn ra hết sức phức tạp bắt buộc Công ty phải có hệ thống giám sát đảm bảo an toàn cho đội ngũ cán bộ Công nhân viên và các sản phẩm khai thác.

8. Vị thế của Công ty ☐ối với các Doanh nghiệp cùng ngành

Với những chính sách ưu đãi nhằm thu hút đầu tư của tỉnh Lào cai, Lai Châu vào lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, đặc biệt với những doanh nghiệp có công nghệ khai thác tiên tiến, đảm bảo an toàn hệ sinh thái, cũng như sức khỏe của người lao động trực tiếp sản xuất. Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai đang có những lợi thế đáng kể so với những doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn tỉnh cũng như trên cả nước. Nếu so sánh với những doanh nghiệp có truyền thống lâu năm về khai thác khoáng sản, Công ty vẫn là một doanh nghiệp trẻ. Tuy nhiên, với quyết tâm đón đầu công nghệ, Công ty đã nghiên cứu và đưa vào sản xuất nhiều loại máy móc, thiết bị, quy trình hiện đại nhằm nâng cao tối đa năng suất cũng như giảm thiểu những tác động xấu tới môi trường và cảnh quan xung quanh, đảm bảo sức khỏe an toàn cho người lao động. Với những thành tích tốt trong sản xuất những năm qua, Công ty luôn được UBND, các ban ngành có liên quan của tỉnh Lào Cai, Lai Châu tạo điều kiện tối đa cho việc cấp

phép, khai thác các vùng có những điểm mỏ lớn, có giá trị kinh tế cao như chì kẽm, vàng. Đây là một lợi thế đặc biệt quan trọng của Công ty trong quá trình hội nhập và phát triển thời gian tới.

Triển vọng ngành

Kết quả điều tra địa chất cho thấy Việt Nam đã phát hiện ra nhiều mỏ quặng chì kẽm, vàng có giá trị và phân bố rải rác ở nhiều nơi. Các loại khác như quặng chì kẽm, quặng đồng, quặng thiếc, quặng nhôm tập trung nhiều ở Tây Ninh, Lâm Đồng, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn,... riêng quặng kim loại quý như vàng đã được điều tra phát hiện ở nhiều vùng trên cả nước và một vài mỏ đã được đưa vào khai thác. Như vậy, trữ lượng và các loại khoáng sản kim loại của Việt Nam là khá phong phú. Những năm gần đây, sản lượng khai thác, chế biến và xuất khẩu một số loại khoáng sản tăng mạnh, đóng góp tích cực vào tăng trưởng của một số địa phương và cả nước. Khai thác khoáng sản luôn đem lại cho doanh nghiệp những nguồn lợi đáng kể. Do vậy hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp có năng lực tài chính và sản xuất đang tập trung vào việc xin cấp phép thăm dò và khai thác quặng. Khoáng sản kim loại luôn được đánh giá là nguồn tài nguyên quý hiếm và có ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế. Các chuyên gia kinh tế đều nhận định rằng ngành khai thác khoáng sản sẽ tiếp tục tăng trưởng cho dù kinh tế thế giới có phát triển chậm lại trong một vài năm tới.

Đánh giá về sự phù hợp, Định hướng phát triển của Công ty với Định hướng phát triển ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Công nghiệp khai khoáng là ngành đầu tư lớn, có hiệu quả kinh tế cao, nhất là khi tăng trưởng kinh tế đòi hỏi nhiều các nguyên nhiên liệu quặng làm đầu vào, nhờ đó các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này sẽ thu được lợi nhuận lớn. Tuy nhiên, lợi thế là vậy nhưng các Công ty hoạt động trong ngành chịu sự ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách nhà nước như định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế...Thêm vào đó, chi phí khai thác mỏ phụ thuộc rất nhiều vào giá cả nhiên liệu như xăng, dầu và giá cả những nguyên nhiên liệu này trong những năm gần đây liên tục biến động, ảnh hưởng lớn đến kết quả khai thác nếu không có kế hoạch dài hạn trong việc dự trữ nhiên liệu hợp lý. Đứng trước tình hình trên Công ty cũng đã có những kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới như :

Lập quy hoạch phát triển bền vững cho các mỏ hiện Công ty đang khai thác hoặc đã được cấp phép và sẽ tiến hành khai thác trong thời gian tới. Xem xét tính đồng bộ và toàn diện từ giai đoạn khảo sát, thăm dò, khai thác chế biến, sử dụng có tính đến yếu tố bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên.

Tiến hành đổi mới công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, quản lý hiện đại để tận thu nguồn tài nguyên, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Nghiên cứu công nghệ thu hồi các khoáng chất và nguyên tố cộng sinh trong các mỏ. Nghiên cứu áp dụng công nghệ chế biến và sử dụng lại các chất thải nhằm hình thành công nghệ ít hoặc không phế thải công nghiệp.

Xây dựng quy hoạch công tác quản lý để góp phần khai thác, chế biến hợp lý và sử dụng tổng hợp, tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu và tài nguyên khoáng sản cho từng mỏ khai thác, loại khoáng sản, vùng khoáng sản.

Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành

Công ty Cổ phần Khoáng sản Lào Cai là doanh nghiệp có quy mô vốn thuộc loại trung bình so với các công ty cùng ngành, tuy nhiên Công ty khai thác các điểm mỏ tập trung tại địa bàn có trữ lượng lớn như Lào Cai, Lai Châu, Hòa Bình, do vậy Công ty có tiềm năng phát triển lâu dài và ổn định. Trong những năm vừa qua LCM đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, liên tục mở rộng hoạt động sản xuất, đầu tư thêm máy móc thiết bị hiện đại, đổi mới công nghệ nên sản lượng và chất lượng của sản phẩm tăng lên rõ rệt, các sản phẩm của Công ty tạo uy tín trên thị trường đặc biệt đối với các khách hàng nhập khẩu sản phẩm của Công ty như các nước EU, Mỹ, Trung Quốc và các nước khác.

Với các chính sách ưu đãi của địa phương cũng như tiềm năng phát triển lâu dài của Công ty, LCM ngày càng mở rộng và tạo được thương hiệu uy tín trên thị trường so với các doanh nghiệp cùng ngành.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Tình hình lao động hiện nay

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững, do vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, tác phong phục vụ chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 20/06/2011, số lượng cán bộ nhân viên, công nhân khai thác và xây dựng của Công ty là 250 người.

Chỉ tiêu	20/06/2011
Số lượng nhân viên	250
Phân theo trình  độ chuyên môn	
Trên đại học	0
Đại học	20
Cao đẳng, Trung cấp	25
Khác	205
Phân theo thời hạn hợp  đồng	
Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (TGĐ, PTGĐ, KTT)	04
Hợp đồng không xác định thời hạn	100
Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	56
Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	90

(Nguồn : LCM)

9.2 Chính sách Đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

9.2.1 Chính sách tuyển dụng và Đào tạo

- Ngay sau khi hoạt động theo cơ chế của công ty cổ phần, LCM đã nghiên cứu, xây dựng và ban hành Quy chế Tuyển dụng riêng của Công ty nhằm tuyển dụng và giữ được cán bộ có kinh nghiệm, chuyên môn nghiệp vụ giỏi, tay nghề cao và đam mê công việc phù hợp với yêu cầu công việc, đảm bảo đáp ứng đủ về số lượng, chất lượng (năng lực, kỹ năng...) để cùng LCM nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh.
- Đối với Đào tạo: Ngoài việc tổ chức đào tạo tại chỗ, vừa làm vừa học qua thực tế công việc LCM còn tạo mọi điều kiện thuận lợi, cần thiết để Người lao động được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn,...nhằm không ngừng nâng cao trình độ về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ... năng lực cạnh tranh, thực hiện tốt chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng lao động của Công ty.

9.2.2 Chính sách tiền lương

- Lương bình quân Công nhân sản xuất tại các Xưởng, Nhà máy là 2.500.000 đồng/tháng
- Lương bình quân của khối hành chính: 3.500.000 đồng/ tháng
- Người lao động trong Công ty ngoài tiền lương được hưởng theo hệ số còn được trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương hàng năm theo kỳ cho cán bộ công nhân viên.
- Ngoài những quyền lợi được quy định trong Bộ Luật lao động, người lao động còn được hưởng nhiều đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp thai sản...

10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tiếp theo. Cổ tức được chia cho các cổ đông theo phần vốn góp. Khi cổ tức được chi trả theo quy định, Công ty vẫn phải đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ và các nghĩa vụ khác khi đến hạn. Năm 2009 và 2010, Công ty không thực hiện chi trả lợi tức do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh còn khiêm tốn, năm 2009 Công ty vẫn bị lỗ lũy kế, hoạt động khai thác và sản xuất khoáng sản chủ yếu đang trong giai đoạn đầu tư ban đầu nên cần nhiều vốn. Các năm 2011, 2012 và 2013, dự kiến tỷ lệ chia cổ tức sẽ lần lượt là 25%, 30% và 25% (tính trên mệnh giá), cụ thể tỉ lệ chia cổ tức sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Trích khấu hao tài sản cố định

pdfMachine - is a pdf writer that produces quality PDF files with ease!

Get yours now!

"Thank you very much! I can use Acrobat Distiller or the Acrobat PDFWriter but I consider your product a lot easier to use and much preferable to Adobe's" A.Sarras - USA

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính theo Quyết định 206/2003/QĐ – BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12/12/2003. Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản dựa trên thời gian hữu ích ước tính với các nhóm như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 05 - 25 năm
- Máy móc thiết bị : 05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn : 06 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý : 03 - 08 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác : 5 – 10 năm

Mức lương bình quân

Mức lương bình quân hiện tại đối với cán bộ nhân viên của Công ty như sau:

- Lương bình quân công nhân sản xuất tại các xưởng, nhà máy: 2.500.000 đồng/ tháng
- Lương bình quân của khối hành chính: 3.500.000 đồng/ tháng

Thanh toán các khoản nợ ngắn hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay đến hạn

Các khoản phải nộp theo luật định

Tính đến 30/06/2011, số dư “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” (thuộc khoản mục “Nợ ngắn hạn”) trên bảng cân đối kế toán của Công ty là 1.246.669.007 VND. Đây là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tạm tính cho 6 tháng đầu năm 2011.

Trích lập các quỹ theo luật định

Trong 02 năm 2009 và 2010 Công ty vẫn hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn và tạm thời chưa trích lập các quỹ của Công ty do:

- Quy mô hoạt động còn nhỏ (việc tăng vốn từ 2,158 tỷ lên 85,68 tỷ được thực hiện trong tháng 12/2010)
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm này chưa cao. Năm 2009 Công ty vẫn bị lỗ lũy kế. Đối với phân phối lợi nhuận năm 2010, theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 02 năm 2011, Công ty quyết định sử dụng toàn bộ lợi nhuận sau thuế để tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không trích lập các quỹ (kể cả quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ). Việc trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo Điều 41 của Điều lệ Công ty (“*Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty*”) sẽ được thực hiện khi Công ty phân phối lợi nhuận năm 2011.

Trong năm 2011, dự kiến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là khả quan do kết quả của việc đầu tư mở rộng hoạt động quy mô sản xuất kinh doanh, Công ty sẽ tiến hành trích lập các quỹ đầy đủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Tỷ lệ trích lập cụ thể sẽ được ĐHĐCĐ thông qua

Tổng dư nợ vay 30/06/2011

Tính tại thời điểm 30/06/2011, Công ty không có các khoản vay, nợ nào

Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	30/06/2011
Phải thu ngắn hạn	2.217	18.114	28.904
1. Phải thu của khách hàng	1.400	5.959	14.790
2. Trả trước cho người bán	806	11.821	12.999
3. Phải thu khác	11	334	1.115
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	0	0	0
Phải thu dài hạn	0	0	0

(Nguồn: BCTC KT năm 2009, 2010 và BCTC 6 tháng/2011 của LCM)

Phải thu chiếm bình quân 20,3% trong tổng tài sản và tỷ lệ này có xu hướng tăng giai đoạn 2009 – Quý II/2011 (tại 31/12/2009: 11,7%, tại 31/12/2009: 20,4% và 30/06/2011: 28,7%). Các khoản phải thu bắt đầu tăng mạnh kể từ năm 2010 do Công ty mở rộng quy mô hoạt động và chủ yếu là trả trước cho người bán, phải thu của khách hàng.

Tại thời điểm 30/06/2011, phải thu của khách hàng chiếm 51,17% trên tổng các khoản phải thu và đây đều là các khoản công nợ trong giao dịch hàng hóa đối với các nhà cung cấp có mối quan hệ hợp tác lâu dài với Công ty. Do vậy LCM đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu là 100%. Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng tại 30/06/2011 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên khách hàng	Giá trị phải thu	Thời hạn phải thu đối với khách hàng
1. Công ty Cổ phần Khoáng sản Việt Thái Sơn	7.734	20/06/2011 - 10/07/2011
2. Công ty Cổ phần Thương mại & Khoáng sản Đông Bắc	1.939	28/06/2011
3. Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	1.038	05/07/2011
4. Công ty TNHH Thương Mại Dương Hiếu	2.948	25/06/2011
5. Công ty TNHH Hóa chất Minh Phú	530	30/06/2011
6. Một số khách hàng khác	601	01/05/2011 - 30/07/2011
Tổng cộng	14.790	

(Nguồn: LCM)

Các khoản phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2010	30/06/2011
----------	------------	------------	------------

Nợ ngắn hạn	16.925	741,7	1.564
1. Vay và nợ ngắn hạn	16.754	0	0
2. Phải trả người bán	171	0	315
3. Người mua trả tiền trước	0	0	0
4. Thuế và các khoản phải nộp NS	0	741,5	1.247
5. Phải trả, phải nộp khác	0	0,2	2
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0	0
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0
Tổng Cộng	16.925	741,7	1.564

(Nguồn: BCTC KT năm 2009, 2010 và BCTC 6 tháng/2011 của LCM)

Đối với nợ phải trả, LCM chỉ có nợ ngắn hạn. Tại thời điểm cuối năm 2009, nợ ngắn hạn chiếm 89,2% trong tổng tài sản, trong đó 99% nợ ngắn hạn nằm trong khoản mục “vay và nợ ngắn hạn”, bao gồm các khoản vay cá nhân không phải trả lãi. Đến cuối năm 2010 và cuối Quý II/2011, “vay và nợ ngắn hạn” đều bằng 0 khiến cho nợ ngắn hạn giảm mạnh, chỉ còn chiếm lần lượt 0,8% và 1,6% tổng tài sản.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2009	2010	6T/2011
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,66	42,79	29,21
+ Hệ số thanh toán nhanh tương đối	Lần	0,14	28,28	19,94
+ Hệ số thanh toán nhanh tuyệt đối	Lần	0,01	3,87	1,46
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,89	0,01	0,02
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	8,28	0,01	0,02
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:				
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	0,17	0,30	0,78
+ Vòng quay Tổng TS (= Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Vòng	0,11	0,07	0,23
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:				
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	10,89%	37,13%	48,89%
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	10,72%	5,45%	11,98%

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2009	2010	6T/2011
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	1,16%	4,56%	11,84%
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	10,89%	41,06%	54,48%

(Nguồn: BCTC KT năm 2009, 2010 và BCTC 6 tháng/2011 của LCM)

Các chỉ tiêu tài chính thể hiện LCM có tình hình tài chính lành mạnh.

LCM có khả năng thanh toán tốt do hệ số thanh toán nhanh tuyệt đối tại các thời điểm 31/12/2010 và 30/06/2011 đều ở mức rất cao, lần lượt bằng 3,87 và 1,46 lần. Điều này là do trong giai đoạn 2010 – 6 tháng/2011, lãi suất cho vay trong nền kinh tế tăng rất mạnh nên để tránh áp lực trả nợ và lãi vay, LCM không thực hiện vay nợ (các khoản mục vay và nợ ngắn hạn, dài hạn giai đoạn này đều bằng 0). Hệ số nợ trên tổng tài sản cũng như nợ trên vốn chủ sở hữu rất thấp, chỉ bằng 0,01 lần tại thời điểm 31/12/2010 và bằng 0,02 lần tại thời điểm 30/06/2011.

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động và chỉ tiêu về khả năng sinh lời của LCM đều có sự cải thiện đáng kể trong giai đoạn 2010 – 6 tháng/2011. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 0,3 vòng tại thời điểm 31/12/2010 lên 0,78 vòng tại thời điểm 30/06/2011. Vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,07 vòng tại thời điểm 31/12/2010 lên 0,23 vòng tại thời điểm 30/06/2011. ROA và ROE năm 2010 đều ở mức dưới 6%, trong khi 6 tháng/2011 đều ở mức trên 11%. Điều này thể hiện hiệu quả sinh lời tốt nhờ việc mở rộng quy mô hoạt động và đa dạng hóa sản phẩm của LCM.

12. Hội Đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán

12.1 Danh sách về HĐQT

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Bùi Đức Thanh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	1.400.000	16,34%
2	Lưu Thị Thanh Mai	Ủy viên Hội đồng Quản trị	800.000	9,34%
3	Vũ Anh Tuấn	Ủy viên Hội đồng Quản trị	38.700	0,45%
4	Phạm Thị Hoài Thương	Ủy viên Hội đồng Quản trị	5.000	0,06%
5	Bùi Thị Hồng Nhung	Ủy viên Hội đồng Quản trị	10.000	0,12%

 Ông : BÙI ĐỨC THANH - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

- Giới tính : Nam ; - Ngày tháng năm sinh: 06/01/1954
- Chứng minh thư nhân dân : 012750826 Ngày cấp: 25/03/2005 Nơi cấp: CA HN
- Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Từ -Yên Mô- Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú : Số 18 ngõ 165 đường Cầu Giấy-P.Dịch Vọng - HN

pdfMachine - is a pdf writer that produces quality PDF files with ease!

Get yours now!

"Thank you very much! I can use Acrobat Distiller or the Acrobat PDFWriter but I consider your product a lot easier to use and much preferable to Adobe's" A.Sarras - USA

- Trình độ văn hóa : 10/10 ; - Trình độ chuyên môn : Cử nhân
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1985 -1991 Công tác tại tỉnh Bắc Thái
 - Từ năm 1991 – 1995 Công tác tại Công ty Sản xuất dịch vụ tổng hợp Thái Nguyên
 - Từ năm 1995-2002 Giám đốc công ty TNHH khoáng sản Bắc Kạn
 - Từ năm 2002 đến năm 2011 Giám đốc Công ty TNHH Gia Long (nay là LCM)
 - Từ tháng 01/2011 đến nay Chủ tịch kiêm Giám đốc LCM

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 1.400.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 70.000 cổ phần, chi tiết như sau :

Họ tên người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)
Bùi Văn Dũng	Em	10.000
Bùi Thị Hồng Nhung	Con	10.000
Bùi Văn Hậu	Em	10.000
Bùi Thái Linh	Con	10.000
Bùi Hoàng Năm	Em	5.000
Bùi Văn Lệ	Em	5.000
Phùng Thị Thủy	Vợ	10.000
Bùi Quốc Bình	Em	10.000

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

🚩 Bà: LƯU THỊ THANH MAI - Ủy viên HĐQT

- Giới tính : Nữ - Ngày tháng năm sinh : 03/07/1960
- Chứng minh thư nhân dân : 013083214, ngày cấp: 26/04/2008 tại C.A Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam ; - Dân tộc: Kinh
- Quê quán : Nam Tân-Nam Trực-Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 165-Đường Cầu Giấy -P.Dịch Vọng –TP Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 10/10 ; - Trình độ chuyên môn: Cử nhân sư phạm
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác
Chức vụ công tác

Từ năm 1985 -1995

GV trường Đội Cấn- Tp Thái Nguyên

Từ năm 1995-2002

Chủ tịch HĐQT công ty TNHH khoáng sản Bắc Kạn

Từ năm 2002 đến 2011

Thành viên góp vốn, nhân viên kinh doanh Công ty TNHH Gia Long

Từ 01/2011 đến nay

Ủy viên HĐQT của LCM

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 800.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 65.000 cổ phần, chi tiết như sau :

Họ tên người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)
Nguyễn Quốc Việt	Con	40.000
Lưu Công Sơn	Anh	10.000
Lưu Công Thái	Anh	5.000
Lưu Công Cường	Em	10.000

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

Ông: VŨ ANH TUÂN - Ủy viên HĐQT

- Giới tính : Nam - Ngày tháng năm sinh : 02/10/1963
- Chứng minh thư nhân dân : 090615973 cấp ngày: 05/01/2010 tại Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Thế - Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú : Tổ 12 , phường Trung Thành , Tp. Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Công nghiệp Thái Nguyên
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác
Chức vụ công tác

Từ năm 1993-1998

Sinh viên Đại học Công nghiệp Thái Nguyên

Từ năm 1991 – nay

Trưởng phòng tổng hợp Công ty Cổ phần Cơ điện luyện kim

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Giám đốc Công ty TNHH Tân Hiệp Phát

- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 38.700 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

Bà: PHẠM THỊ HOÀI THƯƠNG - Ủy viên HĐQT

- Giới tính : Nữ - Ngày tháng năm sinh : 26/09/1989
- Chứng minh thư nhân dân : 151736941 cấp ngày 21/07/2004 tại CA Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Quê quán : Thái Thịnh –Thái Thụy – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 165 Cầu Giấy, P.Dịch Vọng, Q.Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác

Chức vụ công tác

Từ năm 2008 - 2011

Nhân viên Công ty TNHH Gia Long (nay là LCM)

Từ tháng 01/2011 đến nay

Ủy viên HĐQT của LCM

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không;
- Số cổ phần sở hữu cá nhân : 5.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 40.000 cổ phần, chi tiết như sau :

Họ tên người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)
Nguyễn Quốc Việt	Chồng	40.000

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

Bà: BÙI THỊ HỒNG NHUNG - Ủy viên HĐQT

- Giới tính : Nữ ; - Ngày tháng năm sinh: 02/12/1987
- Chứng minh thư nhân dân : 012750804 Ngày cấp: 01/06/2006 Nơi cấp: CA Hà Nội.
- Quốc tịch : Việt Nam ; - Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Từ- Yên Mô- Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú : Số 18 ngõ 165 đường Cầu Giấy, Dịch Vọng, Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán tài chính- Đại học Monash-Australia
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác
Chức vụ công tác

Từ năm 2009 đến 2011

Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty TNHH Gia Long (nay là LCM)

Từ tháng 01 /2011 đến nay

Ủy viên Hội đồng Quản trị LCM

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có
- Số cổ phần sở hữu : 10.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 1.420.000 cổ phần, chi tiết như sau :

Họ tên người có liên quan	Quan hệ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)
Bùi Thái Linh	Chị	10.000
Bùi Đức Thanh	Bố	1.400.000
Phùng Thị Thủy	Mẹ	10.000

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

12.2 Ban Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Đức Thanh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	1.400.000	16,34%
2	Ngô Trường An	Phó Giám đốc	2.000	0,02%
3	Phạm Bá Huy	Phó Giám đốc	0	0%

Ông: **BÙI ĐỨC THANH** - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty (đã trình bày ở trên)

Ông: **NGÔ TRƯỜNG AN** - Phó Giám đốc

- Giới tính : Nam; - Ngày tháng năm sinh : 07/02/1985
- Chứng minh thư nhân dân : 090783419 ngày cấp: 29/09/2005 tại Thái Nguyên
- Quốc tịch : Việt Nam ; - Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xuân Tân – Xuân Trường – Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 26, Lương Ngọc Quyến, Tp.Thái Nguyên, Thái Nguyên
- Trình độ văn hóa : 12/12 ; - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Sư phạm
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác
Chức vụ công tác

Từ 2002 – 2007	Đại học Sư phạm Thái Nguyên
Từ 2008- nay	Nhân viên Công ty TNHH Gia Long
Từ tháng 01 /2011 đến nay	Phó giám đốc LCM
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	: Không có
- Số cổ phần sở hữu	: 2.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	: 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật	: Không

🚩 Ông: **PHẠM BÁ HUY** - Phó Giám đốc phụ trách Công bố thông tin

- Giới tính	: Nam ;	- Ngày tháng năm sinh: 04/02/1984
- Chứng minh thư nhân dân	: 168108970 ngày cấp: 06/12/2000	Nơi cấp: CA Hà Nam
- Quốc tịch	: Việt Nam ;	- Dân tộc: Kinh
- Quê quán	: Thanh Hải – Thanh Liêm – Hà Nam	
- Địa chỉ thường trú	: Thanh Hải – Thanh Liêm – Hà Nam	
- Trình độ văn hóa	: 12/12 ;	- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Giao thông vận tải
- Quá trình công tác:		

Thời gian công tác

Chức vụ công tác

2008 -06/2011	Công ty Cổ phần Vạn Xuân
10/06/2011 – nay	Phó Giám đốc LCM

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác	: Không có
- Số cổ phần sở hữu	: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	: 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty	: Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật	: Không

12.3 Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Mai Hương	Trưởng ban Kiểm soát	5.000	0,06%
2	Lê Văn Nam	Thành viên Ban Kiểm soát	5.000	0,06%

3	Nguyễn Hữu Việt	Thành viên Ban Kiểm soát	0	0%
---	-----------------	--------------------------	---	----

Bà: NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG - Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính : Nữ ; - Ngày tháng năm sinh : 20/08/1984
- Chứng minh thư nhân dân : 135137573 cấp ngày: 26/03/2001 tại CA Vĩnh Phúc
- Quốc tịch : Việt Nam ; - Dân tộc: Kinh
- Quê quán : Nga Sơn – Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : 13 ngõ 6 Trần Phú, Phúc Yên, Vĩnh Phúc
- Trình độ văn hóa : 12/12 ;
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ; chứng chỉ kế toán tổng hợp do trường Đại học Kinh tế quốc dân cấp.
- Quá trình công tác

Thời gian công tác

Từ năm 2006- 2010

2011- nay

Chức vụ công tác

Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Trưởng ban Kiểm soát LCM

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Chuyên viên CTCK Quốc tế Việt Nam
- Số cổ phần sở hữu : 5.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần;
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

Ông: NGUYỄN HỮU VIỆT - Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam ; - Ngày tháng năm sinh: 15/08/1987
- Chứng minh thư nhân dân : 060797728 ngày cấp: 15/02/2008 Nơi cấp: Yên Bái
- Quốc tịch : Việt Nam ; - Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Tôn Hội – Đan Phượng – Hà Tây
- Địa chỉ thường trú : Tổ 13 - Thị trấn Yên Bình - Yên Bái
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng Giao thông Vận Tải
- Quá trình công tác

Thời gian công tác

Từ 2010 - 2011

Từ năm 2011 – nay

Chức vụ công tác

Kế toán viên của LCM

Thành viên Ban Kiểm soát LCM

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần sở hữu : 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

 Ông: **LÊ VĂN NAM** - Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam ; - Ngày tháng năm sinh: 10/07/1979
- Chứng minh thư nhân dân : 013226372 ngày cấp: 17/08/2009 Nơi cấp: CA Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam ; - Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Thành – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : Đình Thôn – Mỹ Đình – Từ Liêm – Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12 ; - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Đại học Bách khoa
- Quá trình công tác

Thời gian công tác

Chức vụ công tác

Từ 2009 – nay

Kỹ sư Công ty TNHH Hamagasu Việt Nam

Từ 2011 – nay

Thành viên Ban Kiểm soát LCM

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không
- Số cổ phần sở hữu : 5.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần;
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

12.4 Kế toán trưởng

 Bà: **NGUYỄN THỊ HOA** - Kế toán trưởng

- Giới tính : Nữ ; - Ngày tháng năm sinh : 30/09/1960
- Chứng minh thư nhân dân : 063034972 ngày cấp: 21/11/2007 nơi cấp: Lào Cai.
- Quốc tịch : Việt Nam ; - Dân tộc: Kinh
- Quê quán : Xã Hạ Giáp-Huyện Phù Ninh –Tỉnh Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú : Đường K3-P.Phố Mới-TP Lào Cai
- Trình độ văn hóa : 12/12; - Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán
- Quá trình công tác :

Thời gian công tác
Chức vụ công tác

Từ năm 1985-1988

Phòng tài vụ Trường CNKT Lâm Nghiệp 4

Từ năm 1988-1996

Làm việc tại gia đình

Từ năm 1996-2002

Làm kế toán tại kho hàng Cty Thương Mại Việt Trung

Từ năm 2003 – 2011

Kế toán trưởng Công ty TNHH Gia Long (nay là LCM)

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác : Không có ;
- Số cổ phần sở hữu : 10.000 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan : 0 cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Hành vi vi phạm Pháp luật : Không

13. Tài sản
Tài sản cố định tại ngày 30/06/2011

Đơn vị tính: VND

TT	Loại tài sản cố định	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	59.873.544.245	6.686.437.270	53.187.106.975
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	50.449.770.032	3.271.739.760	47.178.030.272
2	Máy móc thiết bị	8.240.077.635	2.344.520.859	5.895.556.776
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	1.040.295.578	926.775.651	113.519.927
4	Thiết bị quản lý	143.401.000	143.401.000	0
II	Tài sản cố định thuê tài chính	-		
III	Tài sản cố định vô hình	-		
	Tổng Cộng	59.873.544.245	6.686.437.270	53.187.106.975

(Nguồn: Báo cáo tài chính 6 tháng/2011 của LCM)

Danh mục tài sản cố định có giá trị trên 100 triệu đồng của LCM tại 30/06/2011

STT	Tên Tài sản cố định	Nguyên giá (VND)	Khấu hao lũy kế (VND)	Giá trị còn lại (VND)
I	Nhà cửa vật kiến trúc			
1.	Đường nước	865.531.245	286.861.325	578.669.920
2.	Xưởng tuyển khoáng	4.047.987.787	1.276.993.130	2.770.994.657
3.	Đường điện mỏ Bản Mẻ	705.124.755	296.632.675	408.492.080

pdfMachine - is a pdf writer that produces quality PDF files with ease!

Get yours now!

"Thank you very much! I can use Acrobat Distiller or the Acrobat PDFWriter but I consider your product a lot easier to use and much preferable to Adobe's" A.Sarras - USA

4.	Đường điện mỏ Pắc Ta	630.000.000	118.125.000	511.875.000
II Máy móc thiết bị				
1	M.súc b/xích (Z41230)	1.944.176.200	1.265.310.080	678.866.120
2	Máy ủi	114.285.714	49.843.444	64.442.270
3	Máy nghiền đá HD bằng điện	138.720.000	31.900.000	106.820.000
III Phương tiện vận tải truyền dẫn				
1	Xe ô tô tải tự đổ TQ	177.930.500	141.730.523	36.199.977
2	Ô tô PLCKUP	407.382.832	279.604.828	127.778.005
3	Ô tô tải tự đổ	341.885.671	145.654.010	196.231.661

(Nguồn: LCM)

Tình hình sử dụng đất đai đến 30/06/2011

TT	Địa điểm	Diện tích (m2)	Thời hạn khai thác	Loại hình
1	Mỏ chì, kẽm thôn Na Pá 2 và Sín Chải 2, xã Bản Mế, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	90.000	10/2013	Cấp phép khai thác
2	Mỏ vàng Xã Pắc Ta, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	260.000	Đang xin gia hạn	Cấp phép khai thác
3	Mỏ chì, kẽm Suối Thầu, xã Bản Sen, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai	132.000	2016	Cấp phép khai thác
4	Mỏ vàng tại Thung Chùa, xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi, bản Ngọc Lâm, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	492.800	2022	Cấp phép khai thác
5	Số nhà 045, đường Phan Đình Phùng, phường Phố Mới, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	120	Thuê từ 2002, thời hạn 50 năm	Thuê

(Nguồn: LCM)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty từ năm 2011 đến năm 2013 và căn cứ để đặt lược kế hoạch

14.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh lợi nhuận từ năm 2011 – 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	Giá trị	% ± so với năm 2011	Giá trị	% ± so với năm 2012
Vốn điều lệ	85.680	85.680	0,00%	171.360	100%
Doanh thu thuần	65.000	90.000	38,46%	180.000	100%
Lợi nhuận trước thuế	33.000	62.500	89,39%	75.000	20%

pdfMachine - is a pdf writer that produces quality PDF files with ease!

Get yours now!

"Thank you very much! I can use Acrobat Distiller or the Acrobat PDFWriter but I consider your product a lot easier to use and much preferable to Adobe's" A.Sarras - USA

Lợi nhuận sau thuế	30.000	50.000	66,67%	60.000	20%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	46,15%	55,56%	20,37%	33,33%	-40%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	35,01%	58,36%	66,67%	35,01%	-40%
Tỷ lệ cổ tức (%/mệnh giá)	25%	30%		25%	

(Nguồn: LCM)

14.2 Căn cứ để đặt lược kế hoạch nói trên

- Trữ lượng các mỏ chì, kẽm, vàng, ... của Công ty rất dồi dào, chất lượng quặng tốt, thời gian khai thác dài, một số đang trong thời gian xin gia hạn.
- Công ty mới tiến hành tăng vốn lên 85.860 triệu đồng, đầu tư trang thiết bị máy móc hiện đại phục vụ cho hoạt động sản xuất khai thác mỏ, do vậy năng suất và sản lượng nâng cao.
- Thị trường tiêu thụ ổn định các sản phẩm và dịch vụ của Công ty rất ổn định trên cả nước và xuất khẩu được ra các thị trường các nước lân cận.
- Đội ngũ CBCNV giàu kinh nghiệm, chuyên môn cao gắn bó với Công ty tạo nên một tập thể đoàn kết, giàu sức mạnh.
- Hiện nay Công ty đang tiến hành thủ tục xin phép khai thác thêm một số mỏ vàng và kẽm tại khu vực Lai Châu, Công ty dự kiến được cấp phép và đưa vào khai thác cuối năm 2012. Đối với các mỏ đang khai thác, Công ty sẽ tiếp tục xin gia hạn vì đây là các mỏ có trữ lượng lớn và sản phẩm khai thác có giá trị về mặt kinh tế.
- Tính đến hết Quý II/2011 Công ty đạt gần 23 tỷ đồng doanh thu, vì đặc thù của ngành khai thác mỏ tập trung khai thác vào mùa khô nên lợi nhuận của doanh nghiệp tập trung chủ yếu vào Quý 3, Quý 4, hơn nữa Công ty thường quyết toán các đơn hàng vào cuối năm, do vậy mục tiêu doanh thu, lợi nhuận đặt ra cho năm 2011 là hoàn toàn có thể đạt được.
- Nền kinh tế thế giới và Việt Nam sau khủng hoảng sẽ bắt đầu bước vào một chu kỳ phát triển mới trong những năm tới, tạo ra những cơ hội lớn cho những doanh nghiệp có nội lực và năng động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, và Công ty cũng không phải là ngoại lệ.
- Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên SGDCK Hồ Chí Minh sẽ nâng cao uy tín cho Công ty, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty huy động vốn từ các Nhà đầu tư cho các dự án mới.
- Theo kế hoạch trên Công ty xây dựng kế hoạch sản lượng và dự kiến giá bán của từng nhóm sản phẩm như sau:

sản phẩm	Sản lượng dự kiến khai thác			Giá bán dự kiến (triệu đồng)			Giá trị dự kiến (Triệu đồng)		
	2011	2012	2013	2011	2012	2013	2011	2012	2013
Quặng và tinh quặng chì kẽm (tấn)	2.400	2.700	4500	17	18	18,5	40.800	48.600	83.250
Quặng vàng và vàng tinh luyện (cây)	450	750	2000	35	40	38	15.750	30.000	75.000

Đá xây dựng (tấn)	6.500	9.000	14000	1,2	1,3	2	7.800	11.250	21.000
Khác	-	-	-	-	-	-	650	150	750
Tổng doanh thu dự kiến							65.000	90.000	180.000

Với việc đầu tư nhà xưởng máy móc, nâng cao hiệu quả khai thác và chất lượng quảng tính luyện, mức sản lượng và giá bán công ty dự kiến là hoàn toàn hợp lý và khả thi.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với vai trò của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai của Công ty, nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty, VIS nhận thấy kế hoạch sản lượng và lợi nhuận của công ty đưa ra cho những năm tới là phù hợp với kế hoạch phát triển ngành cũng như tiềm năng phát triển của Công ty.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức ☐ đăng ký niêm yết

- Không có

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng

- Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- Loại chứng khoán** : cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá** : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số chứng khoán niêm yết** : 8.568.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng**

- Số cổ phần của Cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu (Theo Giấy đăng ký kinh doanh lần đầu cấp ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Công ty Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai, Công ty không có cổ đông sáng lập).

- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng của HĐQT, BKS, BGĐ, KTT : 2.275.700 cổ phiếu

Theo quy định hiện hành, đối với cổ phiếu sở hữu cá nhân của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng: trong vòng 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên trên Sở GDCK Hồ Chí Minh, sẽ có tổng cộng 2.275.700 cổ phần không được phép chuyển nhượng; trong vòng 06 tháng tiếp theo: sẽ có 1.137.850 cổ phần không được phép chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

TT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết (cổ phiếu)	SLCP hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng tiếp theo kể từ ngày niêm yết (cổ phiếu)
I HĐQT & Ban giám đốc				
1	Bùi Đức Thanh	CT HĐQT kiêm Giám đốc	1.400.000	700.000
2	Lưu Thị Thanh Mai	UV HĐQT	800.000	400.000
3	Vũ Anh Tuấn	UV HĐQT	38.700	19.350
4	Phạm Thị Hoài Thương	UV HĐQT	5.000	2.500
5	Bùi Thị Hồng Nhung	UV HĐQT	10.000	5.000
6	Ngô Trường An	Phó Giám đốc	2.000	1.000
7	Phạm Bá Huy	Phó Giám đốc	0	0
II Ban Kiểm soát				
1	Nguyễn Thị Mai Hương	Trưởng BKS	5.000	2.500
2	Nguyễn Hữu Việt	Thành viên BKS	0	0
3	Lê Văn Nam	Thành viên BKS	5.000	2.500
III Kế Toán Trưởng				
1	Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng	10.000	5.000
Tổng cộng			2.275.700	1.137.850

5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu LCM được tính toán dựa theo các phương pháp so sánh tương đối P/E và P/B. Chỉ số P/E và P/B bình quân ngành được sử dụng để tính toán là chỉ số bình quân có tính đến tỷ trọng vốn hóa thị trường của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản với quy mô vốn điều lệ gần với mức vốn điều lệ của LCM.

Tên công ty	Mã cổ phiếu	Sàn niêm yết	Giá cổ phiếu (VND)	Khối lượng CP đang lưu hành (cổ phiếu)	Market cap (VND)
CTCP Khoáng sản Bắc Kạn	BKC	HNX	11.100	5.443.200	60.419.520.000

CTCP Khoáng Sản Bình Định	BMC	HOSE	25.500	8.261.820	210.676.410.000
CTCP Vinavico	CTA	HNX	5.400	9.088.000	49.075.200.000
CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	HGM	HNX	84.000	6.000.000	504.000.000.000
CTCP Tài Nguyên	TNT	HOSE	11.000	8.500.000	93.500.000.000

Mã cổ phiếu	BV (31/12/2010)	BV (31/03/2011)	EPS 2010	EPS 2011 dự kiến	P/(BV 31/12/2010)	P/(EPS 2010)	P/(BV 31/03/2011)	P/(EPS 2011 dự kiến)
BKC	16.547	16.779	1.859	2.055	0,67	5,97	0,66	5,03
BMC	14.636	15.343	2.815	2.542	1,74	9,06	1,66	10,03
CTA	11.402	11.413	1.519	1.961	0,47	3,55	0,47	2,75
HGM	18.884	21.658	9.593	4.375	4,45	8,76	3,88	19,20
TNT	12.233	11.706	1.701	2.500	0,90	6,47	0,94	4,40

(Nguồn: Bản tin thị trường chứng khoán của HOSE, HNX và tổng hợp)

Ghi chú: - Giá cổ phiếu là giá đóng cửa (đối với cổ phiếu trên HOSE) và giá bình quân (đối với cổ phiếu trên HNX) tại ngày 30/08/2011; EPS 2010 là EPS trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2010 đã được điều chỉnh theo số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm; EPS 2011 dự kiến là EPS căn cứ theo kế hoạch lợi nhuận, kế hoạch phát hành cổ phần được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông.

- Trong năm 2010, LCM thực hiện tăng vốn điều lệ làm 02 đợt từ 2 tỷ lên 80 tỷ đồng (tại ngày 15/02/2010) và từ 80 tỷ lên 85,68 tỷ đồng (tại ngày 30/12/2010) nên số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2010 của LCM là: 7.263.386 cổ phần, được tính như sau:

Thời gian	Số lượng cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	Số ngày lưu hành (ngày)	Số lượng cổ phiếu lưu hành * số ngày lưu hành
1/1/2010 – 14/02/2010	2.000.000	45	90.000.000
15/02/2010-29/12/2010	8.000.000	318	2.544.000.000
30-12/2010-31/12/2010	8.568.000	2	17.136.000
Tổng cộng		365	2.651.136.000
Bình quân	7.263.386		

- Trong năm 2011, do không có kế hoạch phát hành thêm cổ phần nên số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2011 bằng 8.568.000 cổ phần

*** Tính giá cổ phiếu LCM theo Phương pháp so sánh tương đối P/B:**

- Trường hợp sử dụng giá trị sổ sách được tính tại ngày 31/12/2010:

P/B của ngành: 3 lần

BV tại ngày 31/12/2010 của LCM = 10.273 VND

Giá cổ phiếu LCM = $3 \times 10.273 = 30.819$ VND

- Trường hợp sử dụng giá trị sổ sách được tính tại ngày 31/03/2011:

P/B của ngành: 2,68 lần

BV tại ngày 31/03/2011 của LCM = 10.857 VND

Giá cổ phiếu LCM = $2,68 \times 10.857 = 29.097$ VND

*** Tính giá cổ phiếu LCM theo Phương pháp so sánh tương đối P/E:**

- Trường hợp sử dụng EPS 2010:

P/E của ngành: 8,13 lần

EPS năm 2010 của LCM = Lợi nhuận sau thuế 2010/Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân = $2.455.252.369 / 7.263.386 = 338$ (VND/cổ phần)

Giá cổ phiếu LCM = $8,13 \times 338 = 2.748$ VND

- Trường hợp sử dụng EPS 2011 dự kiến:

P/E của ngành: 13,78 lần

EPS dự kiến năm 2011 của LCM = Lợi nhuận sau thuế dự kiến 2011/ Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân = $30.000.000.000 / 8.568.000 = 3.501$ (VND/cổ phần). (Trong năm 2010, với việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nên lợi nhuận sau thuế năm 2010 tăng mạnh, bằng 11 lần so với năm 2009. Tuy nhiên, do còn trong giai đoạn đầu tư và khối lượng đầu tư vốn lớn, nên trong năm này, kết quả kinh doanh còn chưa tương xứng với tốc độ tăng vốn chủ sở hữu, dẫn đến EPS năm 2010 của LCM còn khá thấp. Sang năm 2011, hiệu quả từ việc đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh từ năm trước được thể hiện rõ hơn, lợi nhuận sau thuế của Quý I/2011 bằng tới 2 lần so với cả năm 2010. Dự kiến EPS năm 2011 của LCM sẽ đạt 3.501 VND/cổ phần)

Giá cổ phiếu LCM = $13,78 \times 3.501 = 48.244$ VND

Giá cổ phiếu LCM bình quân theo các phương pháp trên là 27.727 VND.

Tính đến yếu tố cần trọng, giá tham chiếu của cổ phiếu LCM tại ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE được xác định là 25.000 VND.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ □ối với người nước ngoài

Sau khi được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo các quy định hiện hành của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Căn cứ theo Quyết định số: 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, các tổ chức, cá nhân nước ngoài được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

7. Các loại thuế có liên quan

- *Thuế thu nhập doanh nghiệp*: Theo Quyết định số 161/CT/TT&HT ngày 28/01/2011 của Cục Thuế tỉnh Lào Cai, Công ty được áp dụng thuế suất 20% trong thời gian 10 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong thời hạn 06 năm tiếp theo. Theo Quyết định này, LCM được miễn thuế cho năm 2007 và 2008; từ năm 2009 - 2014: LCM được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%; từ năm 2015 -2017, thuế suất này sẽ là 20%.
- *Thuế GTGT*: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- *Thuế Tài nguyên và Phí bảo vệ môi trường*: Công ty nộp thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường hàng tháng theo quy định của Nhà nước.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY KIỂM TOÁN & TƯ VẤN TÀI CHÍNH (ACA)

- Địa chỉ : P1504, Tòa nhà 17T7, Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội
- ĐT : (84)-(04) 2811488 - Fax : (84)-(04) 2811499

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

- Tầng 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3944 5888 - Fax : (84-4) 3944 5889

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

- Số 9, Nguyễn Công Trứ, Q1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 39302320 - Fax : (84-8) 39302325

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II : Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục III : Biên bản xác định giá trị tài sản khi cổ phần hóa
4. Phụ lục IV : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2009 và năm 2010 và Báo cáo tài chính Q1/2011
5. Phụ lục V : Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 thông qua việc niêm yết cổ phiếu
6. Phụ lục VI : Quy trình nội bộ về công bố thông tin
7. Phụ lục VII : Quy chế quản trị Công ty
8. Các phụ lục khác đính kèm



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI

Lào Cai, ngày tháng năm 2011

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÙI ĐỨC THANH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG

NGUYỄN THỊ HOA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC TƯ VẤN DOANH NGHIỆP

LA THỊ HỒNG HOA